

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (vật tư dùng chung)

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ, ngày 05.9.2023

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.39525243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. > 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J06-026-nnminh) (02).



BM: CVĐT.01(1)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tấn

CÔNG TY.....
MÃ SỐ THUẾ:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ														
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Mã HS (HS Code)	Ghi chú

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lựcngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

(Chữ ký)

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)

(Dấu)

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 4221/BVĐHYD-UB ngày 22. tháng 8. năm 2022)

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, 7.5cm x 3.6m (±10%)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 7.5cm x 3.6m (±10%) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	70
2	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ (12-15) cm x 3.6m	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: (12-15) cm x 3.6m - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	185
3	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 10cm x 3.6m (±10%)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích cỡ: 10cm x 3.6m (±10%) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	70
4	Băng bột bó, cỡ 10cm x 2.7m (±10%)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 10cm x 2.7m (±10%) - Đặc điểm: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	600
5	Băng bột bó, cỡ 15cm x 2.7m (±10%)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 15cm x 2.7m (±10%) - Đặc điểm: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	500
6	Băng bột bó, cỡ 7.5cm x 2.7m (±10%)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 7.5cm x 2.7m (±10%) - Đặc điểm: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	85
7	Băng cá nhân 2cm, dài 6 ± 1cm	Băng cá nhân - Cấu tạo: Nền băng vải dân hồi viscose và polyamide, màu da, phủ lớp keo oxit kẽm, ở giữa có miếng gạc thấm hút băng vải viscose đan dệt phủ lớp chống dính Polyethylene - Kích thước băng: rộng khoảng 2cm, dài 6 ± 1cm - Lực dính khoảng 2 - 9N/cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	2.200.000
8	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gối đi kèm	Băng cố định chóp xoay khớp vai tư thế dùng bán cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai - Chất liệu: vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: có gối đi kèm, giúp tay dạng ra từ 15-30 độ, phù hợp cho cả vai phải và vai trái - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 25-30cm, 30-35cm, >35cm (tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	150

Handwritten signature

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật không có gối đi kèm	Băng cố định khớp vai dùng cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai, trật khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay - Chất liệu: vải cotton không dệt, có lỗ thoáng khí - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: < 50cm, 50-60cm, 60-75cm, 75-85cm, 85-95cm, 95-105cm, > 105cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	140
10	Băng đàn hồi, tự dính, 10cm x 4.5 ± 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 10cm, chiều dài khoảng 4.5 ± 0.05m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	750
11	Băng đàn hồi, tự dính, 7.5cm x 4.5 ± 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 7.5cm, chiều dài khoảng 4.5 ± 0.05m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	650
12	Băng đệm mềm	Băng đệm mềm được sử dụng làm băng đệm dưới băng ép trong điều trị phù bạch mạch hay suy tĩnh mạch để làm tăng hiệu quả điều trị - Thành phần: 100% polyurethane - Đặc tính: co giãn đa chiều - Kích thước: 10cm x 2m x 0.2cm (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12
13	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (5 - 6)m	Băng dính cố định các loại ống thông - Chất liệu: băng Polyester: khoảng 50 - 60%. Giấy lót phủ silicon: khoảng 20-30%. Lớp keo Acrylic: khoảng 15 - 25% - Nền vải Polyester 2 lớp không thấm nước và thông thoáng. Xé được 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x (5 - 6)m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	5.000
14	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (9 - 10)m	Băng dính cố định ống thông, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: plastic trong, không đàn hồi, được phủ keo Acrylate khoảng 10 - 20% - Xé được 2 chiều, chống thấm nước, không gây kích ứng da - Kích thước: 2.5cm x (9 - 10)m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	30.000
15	Băng dính có oxit kẽm	Băng dính cố định, co giãn dùng băng ép - Chất liệu: vải cotton 100%, phủ keo có oxit kẽm, trọng lượng khối phủ 100 - 130g/m ² - Số sợi/10cm - Trọng lượng: 140 ± 7 g/m ² - Lực dính 2-9 N/cm - Độ co giãn tối thiểu 90% - Kích thước: rộng 10 ± 0.1cm, chiều dài 4.5 ± 0.1m - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	1.700
16	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích cỡ từ 5 → 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn	Cái	30
17	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích thước từ 5 → 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn	Cái	40

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu, đặc biệt cho da nhạy cảm - Chất liệu: khoảng 50% Polyester và 50% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex, có lớp giấy bảo vệ mặt sau - Lớp vải cotton mỏng, nhẹ, co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3-5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m ($\pm 10\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	30
19	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng, hỗ trợ cố định và giải áp cho lớp cơ sâu, phù hợp ứng dụng điều trị với khả năng kéo giãn của lớp da tại các vùng như mặt trước khớp gối, lưng dưới và vùng cổ - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex được, có lớp giấy bảo vệ mặt sau - Lớp vải cotton dày, co giãn 1 chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 4m ($\pm 10\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	30
20	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng dành cho các ứng dụng điều trị lớp nông, hỗ trợ lưu thông hệ bạch huyết, giảm sưng, phù nề - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Lớp vải cotton co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m ($\pm 10\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	30
21	Băng dính trong suốt cố định kim luồn, dành cho người lớn	Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoại biên, dành cho người lớn - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14-15%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 6.5 → 7.0cm, chiều dài 7.0 → 7.5cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	280.000
22	Băng dính trong suốt cố định kim luồn, dành cho trẻ em	Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoại biên, dành cho trẻ em - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14-15%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 3.5 → 4.0cm, chiều dài: 4.5 → 5.0cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	2.000
23	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm ($\pm 10\%$)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 10 x 12cm ($\pm 10\%$) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	20.000
24	Băng dính trong suốt, 6 x 7cm ($\pm 05\%$)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 6 x 7 cm ($\pm 05\%$) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	17.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Băng dính, 10cm x 10m (±05%)	Băng dính dùng trong cố định băng gạc, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: vải không dệt Polyester, phủ lớp keo Acrylate, hàm lượng keo phủ 35 - 50% - Lực dính 1.1 - 4.3 N/cm - Tốc độ thoát hơi nước $\geq 1000 \text{ g/m}^2/24\text{h}$ - Lớp giấy lót chứa Acrylic Polymer, có đường phân chia các vạch - Đặc tính: co giãn theo chiều ngang, không chứa latex - Kích thước: 10cm x 10m (±05%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	3.000
26	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 5m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 100% sợi viscose nền không đan dệt, mềm mại, phủ keo acrylate, hàm lượng keo phủ 50-70 g/m ² - Lực dính 0.5-4.0 N/cm - Kích thước: 2.5cm x 5m (±05%) - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí $\leq 100 \text{ cfu/g}$, tổng số nấm men và nấm mốc $\leq 10 \text{ cfu/g}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	7.000
27	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 9m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 60-70% giấy tổng hợp, keo acrylate 25-30%, không chứa cao su - Kích thước: 2.5cm x 9m (±05%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cuộn	7.000
28	Băng đựng hóa chất dùng cho máy Sterrad 100NX	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂) - Thành phần: H ₂ O ₂ 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 5.4ml H ₂ O ₂ 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100NX/ STERRAD 100NX ALL CLEAR của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Băng	1.308
29	Băng đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100S	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂) - Thành phần: H ₂ O ₂ 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 1.8ml H ₂ O ₂ 58% - Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100S của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Băng	968
30	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,...	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,... - Thành phần: 100% cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/ polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 10cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	6
31	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,...	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,... - Thành phần: 100% cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/ polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 12cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	6
32	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,...	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,... - Thành phần: 100% cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/ polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 4cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	6
33	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,...	Băng ép sức căng ngăn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,... - Thành phần: 100% cotton. Mép băng được gia cố bằng polyamide/ polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 6cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	6

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34	Băng ép sức căng ngắn, 8cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch,... - Thành phần: 100% cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/ polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 8cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	6
35	Băng giữ dạng ống, cỡ 2.3cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định bằng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ,... - Thành phần: (67 - 70)% Cotton, (30 - 33)% Viscose - Có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 2.3cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	4
36	Băng giữ dạng ống, cỡ 6.5cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định bằng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ,... - Thành phần: (67 - 70)% Cotton, (30 - 33)% Viscose - Cấu tạo: có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 6.5cm x 5m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	4
37	Băng giữ dạng ống, cỡ 8.5cm x 20m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định bằng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ,... - Thành phần: (67 - 70)% Cotton, (30 - 33)% Viscose - Có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 8.5cm x 20m (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	4
38	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8cm x 55m (±05%)	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dùng cho phương pháp tiết khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2% - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 18mm x 55m (±5%) - Không chứa chì - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	644
39	Băng keo có chỉ thị hóa học, 1.9cm x 55m, cho tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Băng keo có chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.9cm x 55m (±05%) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Không chứa chì, kim loại nặng - Tương thích với các dòng máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cuộn	60
40	Băng kết dính co giãn hai chiều	Băng kết dính co giãn hai chiều - Thành phần: 65-68% viscose và 33-35% polyamide, được phủ hạt nhựa dính cao su - Co giãn theo 2 chiều ngang và dọc để chống nhăn - Băng giữ kết dính với nhau chắc chắn - Kích thước: 4m x 6cm (±10%) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	12
41	Băng thun 10cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 10 ± 3cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	20.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Băng thun 15cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 15 ± 3 cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: $\geq 200\%$ - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m ² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	3.000
43	Băng thun 7.5 ± 2cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 7.5 ± 2 cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: $\geq 200\%$ - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m ² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	1.000
44	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500ml - Chất liệu: Pha lê trong suốt hoặc cotton - Đặc điểm: có lớp màng bằng đồng - beryllium, trong suốt, có đồng hồ đo áp kế tới 700mmHg, có 3 khóa 3 ngã - Dùng nhiều lần, bền và dễ làm sạch. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100
45	Bao camera nội soi tiết khuẩn	Bao camera nội soi - Chất liệu: nhựa PE, màu trắng, không chứa DEHP - Chiều dài 220 - 225cm, chiều rộng 15 - 20cm - Có vòng nhựa, đường kính khoảng 100mm, vòng nhựa gắn liền với miệng bao nylon dày 1.5 - 2.0mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	32.000
46	Bao cao su	Bao cao su - Chất liệu: cao su thiên nhiên - Độ dày khoảng: 0.04 - 0.08mm, chiều dài > 170mm, đường kính khoảng 52 ± 2 mm - Đặc tính: không gán gai, không mùi, không gây kích ứng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	120.000
47	Bao chi đùi dùng trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (45-40-30) mmHg	Bao chi đùi dùng trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Tạo 3 áp lực chuẩn là (45-40-30) mmHg, giảm dần, nén tuần tự từ cổ chân, bắp chân lên vùng đùi trên - Cỡ S, dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (40.5 - 55.9)cm - Cỡ M dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (55.9 - 71.2)cm - Đảm bảo không tiếng ồn (<50Db) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	3.900
48	Bao chi đùi trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chi đùi trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Băng vải không dệt cỡ khoảng 74cm / 29", không có chất cao su và không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. Tạo áp lực (73-63-45) mmHg, thời gian giữ 6 giây - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Bao chi gối trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73- 63-45) mmHg	Bao chi gối trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 48 -50 cm, không có chất cao su, không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. - Tạo áp lực (73- 63-45) mmHg, thời gian giữ 6 giây - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	200
50	Bao chụp kính hiển vi cỡ 122 x (205 - 210) cm	Bao chụp kính hiển vi, - Chất liệu plastic trong suốt có 3 đầu chụp, mỗi đầu có 2 lỗ với đường cắt sẵn - Có tấm kính bao đầu kính hiển vi với đường kính 65mm, chất liệu bằng pha lê trong suốt - Kích cỡ 122 x (205 - 210) cm - Tiệt khuẩn	Cái	1.000
51	Bao chụp kính hiển vi cỡ 150 x (200 - 205) cm	Bao chụp kính hiển vi - Chất liệu nhựa PE, màu trắng - Cỡ 150 x (200 - 205) cm - Tiệt khuẩn	Cái	1.300
52	Bao quần gối, dài khoảng 25 → 48cm	Bao quần gối - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam - Kích thước: dài khoảng 25 → 48cm - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	5
53	Bao quần gối, dài khoảng 46 → 58cm	Bao quần gối - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam - Kích thước: dài khoảng 46 → 58cm - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	5
54	Bao quần gối, dài khoảng 51 → 79cm	Bao quần gối - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam. - Kích thước: dài khoảng 51 → 79cm - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	5
55	Bao quần mắt cá/cổ chân người lớn	Bao quần mắt cá/cổ chân người lớn - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam. - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích với bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	5
56	Bao quần thắt lưng người lớn	Bao quần thắt lưng người lớn - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam. - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích với bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	15
57	Bao quần vai người lớn (81 - 122) cm	Bao quần vai người lớn - Chất liệu: Polyurethane Nylon, Nylon, Polyether foam. - Kích thước: (81 - 122) cm - Dễ dàng mang, tháo, rút kết nối với bộ trữ lạnh - Tương thích với bộ trữ lạnh điều trị giảm đau Cryo/Cuff tại Bệnh viện	Cái	10
58	Bầu phun khí dung sử dụng nhiều lần	Bầu phun khí dung dùng nhiều lần - Chất liệu: Polypropylene, Thermoplastic elastomer - Tốc độ phun: 450 - 600 mg/phút - Kích thước hạt phun 2.2 và 3.5µm. Có thể hấp tiệt khuẩn 250 - 300 lần - Gồm có: mặt nạ, bầu phun thuốc, dây nối, ống ngậm, lõi insert tạo hạt 2.2µm, lõi insert tạo hạt 3.5µm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	25

Handwritten signature

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, tối thiểu 1800ml	Bình chứa dịch dùng trong dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Polytyrene chống sốc - Cấu tạo: bình thẳng đứng, màu trắng trong suốt. - Dung tích bình tối thiểu 1800ml. - Trên nắp bình có 3 lỗ thông: 01 lỗ thông khí, 01 lỗ hút dịch chân không, 01 lỗ hút dịch từ người bệnh - Cơ chế 1 chiều ngăn không khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. Vạch chia độ. - Kèm dây nối dài khoảng 125cm mềm gắn trực tiếp vào bình chứa dịch và 1 đầu gắn vào ống dẫn lưu từ người bệnh, chống xoắn hút áp lực cao không bị tóp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.400
60	Bình chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm, cỡ 300ml/ 500ml	Bình chứa dịch sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Bình nhựa có gel đông - Thể tích: 300ml/ 500ml - Có đầu tích hợp lắp nhanh vào máy hút kèm dây nối, kẹp dây. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	550
61	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000ml	Bình chứa dịch, khí màng phổi - Chất liệu: thủy tinh, trong suốt, có quai xách - Chiều cao bình khoảng 26cm, thể tích 2000ml - Miệng bình: Đường kính trong 2.5 ± 0.1 cm, đường kính ngoài 3.0 → 3.5cm - Thể tích: 2000ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	Cái	1.400
62	Bình làm ấm oxy	Bình làm ấm oxy sử dụng oxy liệu pháp - Chất liệu: bình chứa bằng Polypropylene, bộ phận tạo ấm bằng Polycarbonate - Chứa tối thiểu 340ml nước tiệt khuẩn - Có nổi điều chỉnh lưu lượng đạt nồng độ oxy: từ 25% đến 98% - Van giảm áp suất: 350 - 700cmH ₂ O - Tương thích với lưu lượng kế đang sử dụng tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	9.000
63	Bình làm ấm tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Bình làm ấm - Tự động làm đầy nước, thể tích nén khí bình rỗng là 44 mm, khi đầy là 280mm. - Dung tích chứa nước tối đa là 160ml - Kích thước: 130 x 122 x 95mm - Độ rò ≤ 25ml/phút - Lưu lượng cực đại 60L/phút - Áp lực vận hành tối đa: 16.5kPa (165cmH ₂ O) - Phạm vi nhiệt độ vận hành: 18-28 độ C - Phạm vi độ ẩm vận hành: 15 - 93%RH - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent)	cái	425
64	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động theo dõi cung lượng tim - Chất liệu: ABS, HDPE, PC, PP, PVC - Tương thích với các catheter động mạch quay và cảm biến theo dõi áp lực - Tiệt khuẩn - Nhiệt độ hoạt động: 15 đến 40°C	Bộ	20
65	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt - Chất liệu: Polycarbonate, Polyethylen, Silicone, Polyvinylchlorid, ABS Bộ bao gồm: - cảm biến theo dõi huyết áp động mạch, huyết áp tĩnh mạch trung tâm - Cảm biến nhiệt đầu vào - Cảm biến áp lực - Hệ thống xả: tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg - Chiều dài dây đo huyết áp dài 150 - 155cm - Chiều dài đo huyết áp tĩnh mạch trung tâm dài 150 - 155cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Bộ	12

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
66	Bộ catheter dẫn lưu chủ động dịch khoang màng phổi 3 trong 1	Bộ dẫn lưu chủ động dịch màng phổi 3 trong 1, dùng trong điều trị tràn dịch màng phổi kéo dài. - Bộ dụng cụ gồm: + Bộ đặt ống dẫn lưu với catheter dẫn lưu 15.5 Fr, bằng silicone, dài 65-70 cm, có van dẫn lưu một chiều, có khớp nối, kim chọc, dây dẫn đầu chữ J dài 60 - 65cm, ống mở đường 16 Fr có nắp van, que luồn + Bơm tiêm 10 ml + Dây dẫn lưu có kẹp con lặn với đầu kết nối có khoá, kim 17G x 2.5 cm, nắp van + Bộ băng bó cố định dây dẫn lưu ngoài da, gạc, miếng dán tự dính - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
67	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn - Chất liệu Polyurethane - Có đầu cảm biến nhiệt - Có nồng độ đo huyết áp động mạch - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài: 20cm - Dây dẫn: Đường kính 0.53 - 0.55 mm, chiều dài 60cm - Đường kính và chiều dài của cannul: + Đường kính 18G/ chiều dài 80 mm + Đường kính 20G/ chiều dài 55 mm - Que nong mạch: đường kính ngoài 1.8 - 2.0 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Bộ	12
68	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	Bộ chăm sóc vết thương dùng 1 lần, bao gồm: - 4 -5 miếng gạc cotton 7.5 x 7.5cm, 8 lớp, thấm hút tốt, dùng trong y tế - 10-15 Gạc viên đường kính 2 - 4cm bằng vải không dệt viscose - 01 Kẹp trắng bằng nhựa dài 13cm - 01 Kềm bằng nhựa dài > 15cm - 01 Khay chứa bằng nhựa PVC, 3-4 ngăn, kích thước: 24cm (l) x 15cm (w) x 2.5cm(h) - 01 Tấm lót bằng nhựa, kích thước 45 x 60cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	6.000
69	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn - Chất liệu: bằng PVC Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài 150 ± 10cm, đầu hình chữ J - 1 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 34-36cm và cổng zero - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) + Áp lực đo từ -30 → 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% hoặc ± 1 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện	Bộ	4.300
70	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn trẻ em	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn trẻ em - Dây chính gồm 2 đoạn dài 6" và 60", đường kính ngoài 2.8mm, đường kính trong 0.975mm, có 3 khóa 4 ngã, kèm thêm dây đo CVP, cảm biến áp suất với tốc độ dòng chảy 3ml - Lấy máu kín qua khóa 3 ngã có van tự động đóng kín lại - Trở kháng đầu vào 350 mmHg, trở kháng đầu ra 300mmHg - Nhiệt độ hoạt động 15 → 40 độ C - Áp lực hoạt động: -30 → 300mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Hỗ trợ cáp nối tương thích cảm biến	Bộ	25

Ước

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
71	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường - Chất liệu: nhựa PVC - Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài $150 \pm 10\text{cm}$, đầu hình chữ J - 2 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 34 - 36cm và cổng zero - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu + Áp lực đo từ -30 → 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% hoặc $\pm 1\text{ mmHg}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện	Bộ	950
72	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Bộ gồm bình điều khiển nối với máy kèm dây gắn sẵn và co nối 38mm với dây cáp và túi nước rửa, điều chỉnh lượng nước bơm tưới rửa vết thương. - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với xốp cùng loại, cùng hãng	Bộ	33
73	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản, dùng 1 lần	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản, dùng 1 lần - Chức năng: dẫn hướng nhằm hỗ trợ khả năng chẩn đoán nội soi khí phế quản - Chất liệu ống dẫn: nhựa Fluororesin - Chất liệu thân kim sinh thiết: nhựa Polyethylene - Chất liệu kim sinh thiết: thép không gỉ - Đường kính ngoài: khoảng 1.9mm, chiều dài làm việc 1050mm - Có nút chặn, có thể kết hợp với đầu dò và thao tác dưới huỳnh quang - Bộ phận đi kèm: + 01 kèm sinh thiết, dùng 1 lần: chất liệu thép không gỉ, ngâm cá sấu, có thể xoay được, phù hợp kênh làm việc có đường kính 2.0mm, chiều dài làm việc 1150mm. + ET stopper, US Stopper: Polyethylene + Chất liệu của bộ phận chặn dụng cụ và đầu dò siêu âm: nhựa Polyethylene - Tương thích với ống soi khí phế quản có đường kính kênh dụng cụ 2.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	bộ	180
74	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 12 → 16Fr	Bộ dây hút đàm kín dùng để hút đàm cho người bệnh có đặt ống nội khí quản hoặc mở khí quản Cấu tạo: - Ống hút bằng nhựa PVC, thân trơn nhẵn, có cán quang, có vạch chia. Đường kính ngoài 4.0 → 5.3mm, dài 45 → 57cm - Kích cỡ: 12 → 16Fr. Đầu ống kiểu Mully bo tròn có 3 lỗ hút: 1 lỗ lớn ở đầu xa và 2 lỗ hút hỗ trợ ở 2 bên. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng, mềm chắc, trong suốt - Van mở và khóa đường luồn ống hút bằng Polypropylene, dạng núm xoay, có chỉ báo vị trí đóng/mở - Van rửa một chiều. Đầu nối với hệ thống hút: bằng Polypropylene, tương thích với hệ thống hút đàm tại Bệnh viện - Co nối T với ống nội khí quản/ mở khí quản - Phụ kiện đi kèm: Co nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	450
75	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau, dùng chứa thuốc giảm đau kiểm soát đau sau mổ - Túi chứa bằng nhựa PVC mềm, không có DEHP, không Latex, chứa được thuốc giảm đau đến 200ml - Dây truyền dịch chống gập dài 150 → 180cm - Có sensor cảm biến áp lực, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 0.2 μm hoặc 1.2 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
76	Bộ dụng cụ dẫn lưu phân	Bộ dụng cụ dẫn lưu phân - Ống dẫn lưu: có bóng cổ định làm bằng silicagel, áp lực thấp. Ống xả có đường kính khoảng 3.0 ± 0.5cm, có vạch đánh dấu vị trí đầu ống, cổ định ống dẫn lưu với túi đựng phân bằng khớp vận - Dung tích túi đựng phân khoảng 1500ml, có tráng 1 lớp gel - Nắp đậy thuận tiện khi xả, có dây treo cổ định	Bộ	5
77	Bộ dụng cụ tập thở	Bộ dụng cụ tập thở cho người bệnh sau phẫu thuật - Chất liệu: nhựa y tế, không latex - Kích thước: 15cm x 6.5cm x 16cm - Dung tích: 4000ml - Cấu tạo: Bao gồm bình có 2 ngăn, 1 ngăn chứa piston chia vạch từng 500ml và thanh trượt màu vàng sáng để dễ theo dõi, 1 ngăn có bóng và mức chỉ thị mặt cười để đánh giá cách thở của người bệnh. Có 1 ống hút có thể co giãn và có chốt kẹp giữ ống hút gọn gàng khi không sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Bộ	300
78	Bộ kết nối máy thăm phân phức mặc tự động người lớn	Bộ kết nối máy thăm phân phức mặc tự động người lớn - Chất liệu: Polyvinyl Chloride, HDPE, ABS, LDPE, PES và Acrylic - Đường kính trong 4.0 ± 0.5mm, đường kính ngoài 5.5 → 6.0mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	800
79	Cannula hỗ trợ thở qua lỗ mở khí quản	Cannula hỗ trợ thở qua lỗ mở khí quản - Có nắp chống bắn dờm ra ngoài. - Dây dẫn tích hợp cho hơi nước thoát ra ngoài màng, giảm đọng nước - Có dây đeo qua cổ. - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	cái	10
80	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu - Trong ống chứa gel phân tách và chất chống đông. - Thời gian tách ≤ 20 phút - Dung tích: ≥ 10ml - Nồng độ tiểu cầu sau cô đặc: ≥ 4 lần ban đầu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ ISO	Cái	50
81	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp, da liễu và nha khoa.	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp, da liễu và nha khoa - Chất liệu bằng nhựa trong, không chứa pyrogen, không DEHP, không cao su Thành phần trong 1 bộ kit bao gồm: - 03 ống hình trụ thẳng, có thể tích ≥ 10ml, trong đó có 02 ống để rút máu (ống chân không, có chất chống đông sodium citrat), và 01 ống tròn chứa dung dịch huyết tương giàu tiểu cầu (PRP). - Đi kèm: bơm tiêm 5ml, bơm tiêm 1ml, kẹp kim, kim bướm lấy máu, kim (30G, 21G và 18G) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị sẹo, trẻ hóa da, điều trị vết thương mạn tính	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân dùng điều trị sẹo, trẻ hóa da, điều trị vết thương mạn tính - Ống thủy tinh lấy máu chân không, khép kín, hình trụ thẳng có nắp đậy cửa bơm máu - Thể tích: $\geq 8.5\text{ml}$ Bộ kit gồm: - 02 ống Plasma, 03 ống lấy máu chứa sẵn chất chống đông, 01 ống bóp 3ml, 01 ống giữ kim, 14 ống nhựa 1.5ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	Bộ	50
83	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị người bệnh thoái hóa khớp	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp - Chất liệu: bằng nhựa trong, không latex - Có 3 khoang khép kín, hình trụ thẳng, có ≥ 02 chốt khóa, có nắp đậy cửa bơm máu, có vạch đo thể tích chứa huyết tương giàu tiểu cầu - Thể tích tối thiểu của khoang chứa 30ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	650
84	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7→9mm	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da - 01 ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ + Chất liệu: nhựa PVC + Kích thước: đường kính trong từ 7 → 9mm, đường kính ngoài từ 10.5 → 13.5mm, chiều dài từ 70 → 82mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ + Bóng tròn loại soft-seal mềm mại + 02 nòng trong, đầu tròn, có mẫu ngắt, đầu nối tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Đi kèm: 02 đầu nong, dao mổ 11, kim tiêm, ống tiêm, dây dẫn, đầu dẫn, cây chèn mở khí quản, dây cố định mở khí quản, chổi làm vệ sinh nòng trong, gạc thấm và gel bôi trơn tan trong nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
85	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	Bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa Catheter và túi dịch lọc - Chất liệu bằng polyethylene - Đầu nối khóa, kẹp bật tắt, ống và đầu nối khóa Luer - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	220
86	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối - Chất liệu: nhựa PP/ PE/ PVC - Bầu chứa thuốc: hình trụ, cao $74 \pm 2\text{mm}$, rộng $42 \pm 2\text{mm}$, có vạch chia thể tích từ 2 - 10ml, phần nắp bầu kết nối với bầu phun, hạn chế lượng thuốc tồn đọng, giảm hao phí thuốc - Dây nối nguồn dài khoảng 1.8 - 2.0m, tương thích với hệ thống khí nguồn của Bệnh viện - Đặc tính: đường kính hạt thuốc khoảng $2.7\text{ }\mu\text{m}$ (lưu lượng 8 lít/ phút), đảm bảo không rò rỉ thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	4.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
87	Bộ tẩm dán dùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	Bộ tẩm dán dùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh - Tẩm dán có 3 lớp: + Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc da + Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt + Lớp cách nhiệt chống mất nhiệt ra môi trường ngoài và các đường dẫn nước - Bộ gồm 4 miếng: 2 tẩm dán dùi, 2 tẩm dán ngực bụng - Tốc độ dòng chảy khoảng 5 lít/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	bộ	50
88	Bộ test kiểm tra quy trình tiệt khuẩn	Gói thử kiểm tra quy trình tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: * 01 test chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 * 02 ống chỉ thị sinh học đóng sẵn chứa bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i>, bao gồm 1 ống chứng và 1 ống thử * Chỉ thị hóa học trên ống chỉ thị có đổi màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị sinh học trước - sau tiệt khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ 20-30 phút - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Gói	120
89	Bộ thông tiểu dùng 1 lần	Bộ thông tiểu dùng 1 lần bao gồm: 01 Bơm tiêm 10ml 01 Khăn lỗ chất liệu vải bán thấm 45-48gsm, đường kính lỗ 8 ± 1 cm, kích thước 75 x 90cm 02 Miếng gạc (10x10)cm 8-10 lớp 10 Miếng gạc không dệt, 7.5 x 7.5cm, 8-10 lớp, thấm hút tốt 01 Gel bôi trơn, tan trong nước 01 Kẹp bằng nhựa cứng dài 13-15cm 01 Khăn da dụng bằng vải không dệt 5 - 8 lớp, chống thấm nước, 50 x 60cm 01 Khay bằng nhựa PVC, 4 ngăn, kích thước 24 x 15 x 2.5cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	1.500
90	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh - Chất liệu: ABS, TPE, PP, LDPE, chất liệu bàn chải vừa đủ mềm. - Có ống hút dịch cầm tay nằm trên thân bàn chải - 01 bàn chải kích thước dài 20 ± 0.1 cm, đầu bàn chải dài 13-15cm, thân cầm: 7 ± 0.1 cm - 01 lọ đựng nước súc miệng trọng lượng khoảng 14-16gr, được đánh sẵn mức đo trên lọ từ 5 → 15ml - 01 gói nước súc miệng 0.12% chlorhexidine (≥ 15ml) - 01 dụng cụ thấm môi chống khô dài 150-155mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	15.000
91	Bơm dẫn hồi tự động có PCA truyền thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục.	Bơm dẫn hồi tự động có PCA truyền thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục. - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng polyisoprene, 3 lớp, không latex + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Có khóa điều chỉnh dòng chảy. - Tốc độ truyền 2 - 5ml/h. - Thời gian khóa: 30 phút - Có vạch chia thể tích để theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân - Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2um - Thể tích 300ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	10

Stt	Tên danh mục và mã thầu giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
92	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 15 ± 0.5mm, chiều dài khoảng 98 ± 1mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 102-105mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 25mm, đường kính trong khoảng 0.3mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	900.000
93	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 1ml, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G dùng lấy máu làm khí máu động mạch. - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1ml, đầu bơm tiêm loại luer slip - Kim bằng thép không gỉ, kích cỡ 23G/25G, đường kính khoảng 0.5 - 0.6mm, chiều dài 16-25mm, có nắp bảo vệ slip-tip - Có tráng sẵn Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun khô trên thành ống, hàm lượng 23.5UI/ml - Chế độ lấy máu tự động - Kèm 1 đầu siêu lọc loại bỏ bọt khí an toàn - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30.000
94	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G	Bơm tiêm 1ml, có kim 26G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 5mm, chiều dài khoảng 79 ± 1mm - Thể tích bơm tiêm: 1ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 79.5 ± 0.5mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 26G, dài khoảng 13 ± 0.5mm, đường kính ngoài khoảng 0.45 ± 0.02mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	140.000
95	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 20 ± 0.05mm, chiều dài khoảng 110-115mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 116 ± 2mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cỡ kim 23G, dài khoảng 25mm, đường kính trong khoảng 0.3mm, đường kính ngoài khoảng 0.6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100.000
96	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 10mm, chiều dài khoảng 68 - 70mm - Thể tích bơm tiêm: 3ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 68 - 70mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 16 - 38mm, đường kính trong khoảng 0.3mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm, - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	150.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
97	Bơm tiêm 50ml, có kim	Bơm tiêm là 50ml, có kim 22G x 1 1/4" - Bơm tiêm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 30mm, chiều dài khoảng 140 - 145mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài khoảng 140- 145mm - Đốc kim và nắp đậy đầu kim được làm từ chất liệu nhựa PP - Bên ngoài ống tiêm có chia vạch rõ ràng - Kim tiêm bằng thép không rỉ, sắc bén, cỡ kim 22G, dài khoảng 32 ± 1mm, đường kính trong khoảng 0.3mm, đường kính ngoài khoảng 0.7 ± 0.05mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	11.000
98	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 12mm, chiều dài khoảng 78-80mm - Thể tích bơm tiêm: 5ml - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 81 ± 0.5mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 2.5cm, đường kính trong khoảng 0.3mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.100.000
99	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190ml	Bơm tiêm cân quang cho theo máy bơm tiêm điện, bộ bao gồm: - 01 ống bơm thể tích 190ml + Chất liệu: Piston bằng makrolon, đầu cao su bằng santoprene TPV + Đường kính trong khoảng 4.5 → 5.0cm + Chiều dài: khoảng 18.5 → 19.0cm - 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, chất liệu bằng polyethylene - Bơm tiêm và dây nối chịu áp lực khoảng 300psi - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nòng) của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	Bộ	720
100	Bơm tiêm cân từ, cỡ 65/115ml	Bơm tiêm cân từ dùng cho máy bơm tiêm điện tương thích với môi trường MRI, bộ bao gồm: - Hai bơm tiêm thể tích 65ml và 115ml + Chất liệu: Piton (polycarbonate), thân ống bơm (polyethylene terephthalate và polycarbonate). + Đường kính trong: 2.7 ± 0.1cm, 3.6 ± 0.1cm + Vạch chia trên thân ống tiêm - Đầu bơm tiêm: kết nối Luer lock - Dây nối chữ T: + Chất liệu: polypropylene, polycarbonate, PVC, silicon. + Hai đầu kết nối female và một đầu luer lock. + Chiều dài: khoảng 150 - 250cm - Hai đầu lấy thuốc: chất liệu nhựa ABS - Ống bơm và dây nối chữ T: chịu áp lực khoảng 350psi. - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Medrad Spectris Solaris EP của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	700
101	Bơm tiêm chứa Lithium Heparin, 1ml	Bơm tiêm có chứa Heparin dùng lấy máu làm khí máu động mạch, thể tích 1ml - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, không kim, có nắp bảo vệ slip-tip, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1ml - Có tráng sẵn Lithium Heparin, hàm lượng 30UI/ml - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5.000

XUAT

Stt	Tên danh mục & mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
102	Bơm tiêm dầu thẳng, không kim, 10ml	Bơm tiêm dầu thẳng, không kim, 10ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1.4 ± 0.1 cm - Đầu thẳng, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.8 ± 0.1 cm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	140.000
103	Bơm tiêm dầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml	Bơm tiêm dầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 20mm - Đầu thẳng, lệch tâm, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 2.5 ± 0.1 cm - Không chứa DEHP, Latex, PVC - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
104	Bơm tiêm dầu to, 50ml	Bơm sử dụng để bơm thức ăn, bơm rửa cho người bệnh - Chất liệu: bằng nhựa polypropylene dùng trong y tế có độ PH trung tính, không chứa DEHP, trong suốt, thành trong trơn láng, piston dễ dàng di chuyển, không tuột pít tông khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex - Đường kính trong bơm tiêm 31 ± 0.1 mm, thể tích 50ml - Đầu tròn, chiều dài khoảng 3 - 4cm, đường kính đầu bơm tiêm tối thiểu là 0.35 - 0.38cm, tương thích với các ống thông nuôi ăn - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	40.000
105	Bơm tiêm dầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ	Bơm tiêm chứa nước muối, dùng trong bơm rửa catheter ngoại biên và trung tâm - Bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1.4 - 1.5cm - Đầu xoắn vặn, có nắp đậy - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, pít tông không rút ngược qua vạch phân cách - Chứa 9mg muối trong mỗi ml nước muối sinh lý vô khuẩn: loại 3ml, 5ml, 10ml - Áp lực khi bơm: khoảng 19.7psi hoặc tương đương áp lực đầu ra của bơm tiêm 10ml - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	800.000
106	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 10ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 10ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 14 ± 0.1 mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: đầu pít tông bằng polyisoprene, thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.8 ± 0.1 cm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	200.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 20ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 20ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 20mm - Đầu dầu xoắn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 2.5cm - Không chứa DEHP, Latex, PVC - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	50.000
108	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 3ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, thể tích 3ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng - Đường kính trong của bơm tiêm: 8.5 ± 0.01mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	6.000
109	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 5ml	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 5ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: 11.5 ± 0.03mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.5 - 1.6cm - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	50.000
110	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, dầu xoắn, 50ml	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, dầu xoắn, 50ml - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 2.6 - 2.9cm - Đầu xoắn vặn, tương thích với đầu kim tiêm các loại - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 3 ± 0.1cm - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	140.000
111	Bơm tiêm insulin, kim 30G	Bơm tiêm insulin 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 8 - 12mm, đường kính 0.3mm, thành kim mỏng - Thể tích: 1ml/100UI - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	53.000
112	Bơm tiêm insulin, kim 30G, dài 12mm	Bơm tiêm insulin 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 12mm, đường kính 0.3mm, thành kim mỏng, đốc kim xoay được - Thể tích: 1ml/100UI - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	6.400

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
113	Bơm tiêm insulin, kim 31G	Bơm tiêm insulin 31G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, cỡ 31G, đầu phủ silicone, chiều dài 6 - 8mm, đường kính trong 0.25mm - Thể tích: 1ml/100UI - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	8.500
114	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml tự động hút máu, có kim 25G, heparin	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, kim 25G - Chất chống đông: Lithium Heparin - Chiều dài kim: 15.5 - 16.0mm - Có thể cài đặt thể tích máu trước khi lấy - Pít tông tự thoát khí - Thể tích: 1ml - Hàm lượng chất chống đông: 30 IU - Có nắp đậy - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE/ISO	Cái	10.000
115	Bơm tiêm liên kim 27G	Bơm tiêm liên kim 27G dùng để tiêm ngừa lao (BCG) - Chất liệu: bằng Polypropylene, không chứa latex, lòng bơm tiêm có gờ chặn pít tông, thân bơm tiêm có vạch chia thể tích rõ, thể tích tối đa 0.5ml - Kim bằng thép không gỉ, đầu vát, kim bén. Kích cỡ 27G, đường kính 0.4mm, dài 9.5 - 10mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7.000
116	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100ml	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100ml - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng isoprene + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính cổng bơm thuốc) khoảng 180 → 182mm, OD của vỏ khoảng 42 → 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng 0.9 ± 0.1mm, OD của dây khoảng 2.5 → 3.0 mm Cấu tạo: + Tốc độ truyền khoảng 0.5 đến 5 ml/h + Trọng lượng pump khoảng: 49 ± 0.5g + Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2µm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	600
117	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500ml	Bóng bóp giúp thở có van giảm áp - Chất liệu: PC, PVC, Si - Thể tích bóng: 1500ml - Van giảm áp tự động 1 chiều: 40 cmH2O hoặc 60 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị tríambu ban đầu - Lưu lượng oxy: ≥ 95% (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ bằng nhựa PE, PVC có van bơm, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài ≥ 2m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2.000
118	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	Bóng bóp giúp thở có van thông minh - Chất liệu: Polycarbonate/PTE - Thể tích bóng: 280ml., 550ml, 1000ml - Van thông minh tự động 1 chiều: 60/40 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị tríambu ban đầu - Lưu lượng oxy: >95% (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ bằng PE, có van bơm, kích cỡ 1,3,4; 01 túi chứa oxy, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài khoảng 3m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	1.300

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
119	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	Bóng bóp giúp thở không có van giảm áp - Chất liệu: PTE không chứa PVC - Thể tích bóng: 1500ml - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị tríambu ban đầu - Lưu lượng oxy: >95% (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ bằng nhựa PE, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài ≥ 2m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2.000
120	Bóng cầm máu mũi	Bóng cầm máu mũi kiểm soát chảy máu cam, máu mũi trước và sau - Làm bằng chất liệu silicone - Tổng chiều dài (mm): 97, 120 - Chiều dài sử dụng (mm): 85, 95 - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
121	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản - Chức năng: bao đầu ống soi - Chất liệu: latex - Chiều dài: 12-15 mm, đường kính: 6.0 - 6.5mm - Dùng cho ống soi BF-UC180F - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	300
122	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.5kg	Bông gòn, dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Khả năng giữ nước ≥ 20g nước/g bông - Tốc độ hút nước: thời gian chìm < 10 giây - Không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Gói 1 - 1.5kg - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	80
123	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.5kg, không giữ nước	Bông gòn, dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Không giữ nước - Gói 1 - 1.5kg - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	25
124	Bông gòn, dạng viên, gói 100 - 110g	Bông gòn, dạng viên, tiệt khuẩn: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên, không dùng chất tạo màu - Dạng viên cuộn, đường kính 2 - 3cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm < 8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 3 phút + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Yêu cầu khi sử dụng: mềm, mịn, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Tiệt khuẩn - Gói 100 - 110g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói	1.100
125	Bông gòn, dạng viên, gói 500 - 550g	Bông gòn, dạng viên: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Dạng viên cuộn, đường kính 2 - 3 cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm < 8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 3 phút + Mất khối lượng do sấy khô (độ ẩm): không quá 8% + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% - Gói 500 - 550g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói	1.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
126	Bột khô dùng trồng cấy thận nhân tạo thành phần Natri hydrogencarbonat e.	Bột khô dùng trong cấy thận nhân tạo, thành phần Natri hydrogenocarbonate (NaHCO ₃) - Khối lượng 900 - 950g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	6.500
127	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose - Đặc tính: chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng, bảo vệ da hậu môn nhân tạo - Trọng lượng 28 - 30g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Chai	150
128	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt cho người lớn và trẻ em - Buồng đệm bằng nhựa ABS chống tĩnh điện - Đệm mặt nạ: Silicone Polycarbonate - Van: Silicone - Thể tích: 140 - 150ml, dài: 14 - 15cm - Đường kính đầu nối miếng đệm mặt nạ: 22mm - Đặc tính: phân phối thuốc hiệu quả, hệ thống van linh hoạt tự động đóng mở - Đệm mặt nạ mềm mại - Các bộ phận dễ tháo rời để vệ sinh - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	50
129	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng - Chiều dài dây thở: 1.8 → 2.0m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	cái	580
130	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật dùng đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Vật tư đi kèm: thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3.000
131	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 600ml	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng Polycarbonate - Dung tích: khoảng 600ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	285
132	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750ml	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: nhựa trong suốt - Dung tích: khoảng 750ml - Cấu tạo: trên bình có thước đo thể tích, bên trong có bọc thấm dịch bên trong, có màng lọc vi khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	180
133	Catheter động mạch đùi bằng polyurethan, dài 20cm	Catheter động mạch đùi - Catheter bằng polyurethan, kim chọc bằng thép không gỉ, dây dẫn đầu J - Kích thước: catheter dài 20 - 25cm, cỡ 3 → 4Fr, dây dẫn đầu J (0.5 - 0.6) x 450mm; kim chọc 17G / 22G, dài 40 - 70mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	180

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
134	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh dùng đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc, - Chất liệu bằng polyurethane, - Gồm 1 catheter đường kính 2Fr, chiều dài 4cm, 6cm, 8cm; 1 kim dẫn đường cỡ 22G, chiều dài 42mm; 1 guidewire 23cm, đường kính 0.46mm, - Tốc độ truyền dịch 17 ml/phút. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
135	Catheter lọc máu 2 nòng bằng carbothane, cỡ 14.5Fr, dài 24→55cm.	Catheter lọc máu hai nòng - Chất liệu bằng carbothane - Kích thước: dài 24 → 50cm/ đường kính 14.5Fr - Thiết kế lumen “D”, có vòng bít chống đi ngược dòng, có cán quang - Tốc độ chảy: khoảng 450 → 500ml/phút - 01 catheter 14.5Fr, 01 cây tạo đường hầm, 01 thông luồn catheter 15Fr, 01 kim hướng dẫn 18 GA x 2.75" (7cm), 01 lưỡi dao số 11, 01 dây dẫn đầu chữ J được đánh dấu 0,038" x 70cm hoặc 100cm, 02 gác , 02 nắp đậy , 01 que nong 12Fr, 01 que nong 14Fr, 01 ống thông ba bóng chống xếp lòng catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA	Bộ	20
136	Catheter lọc máu hai nòng bằng polyurethane, cỡ 12Fr, dài 20-22cm	Catheter lọc máu hai nòng - Catheter polyurethane, có chất cản quang, cỡ 12Fr, dài 20-22cm, đường kính 4mm - Dây dẫn dài 50cm, đường kính 0.89±0.01mm, có đầu mũi J mềm - Kim dẫn đường chữ V, thể tích mỗi 1.4 ml, ống nối dài trong suốt có nút chặn kim luồn - Ống thông van tim 18G (1.3 mm), kim nong 12Fr, dao mổ, dây nối dùng cho chuyển đạo ECG, ống tiêm 5ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
137	Catheter lọc máu hai nòng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24→28cm	Catheter lọc máu hai nòng - Chất liệu polyurethane, 14.5Fr, dài 24→28cm - Thân thẳng và cong, tốc độ lưu thông ≥ 400ml/phút. - Bộ phận đi kèm: kim, dây dẫn đường đầu chữ J 0.035" x 70cm, 2 que nong, dao, đường hầm, van siêu âm dẫn đường, 2 nút đậy catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
138	Catheter lọc máu hai nòng dùng cho trẻ em	Catheter lọc máu hai nòng dùng cho trẻ em - Catheter Polyurethan 6.5Fr/8.5Fr dài 11cm, loại thẳng - Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt - Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 45cm / 0.035" x 70cm - Cây nong 7Fr, 9Fr, dài 10-12cm - Bơm tiêm luer 5ml - Kim dẫn đường 20G x 4cm / 18G x 7cm - Dao mổ số 11 - Tốc độ dòng: V= 81~104ml/phút, A= 77~98ml/phút/V=155-198ml/phút, A= 148-190ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	bộ	17

MOA

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
139	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường bằng polyurethane, cỡ 20/22G dài 13- 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường dùng cho trẻ em - Catheter polyurethane, dây dẫn bằng hợp kim Nickel-Titan - Catheter size 20G x 1.15mm, size 22G x 0.9mm, dài 13-15cm, dây dẫn dài 45cm x 0.018"(0.45mm) - Cây nong 4Fr, 1.35mm x 5cm, kim dẫn đường 21G x 4cm - Có đường cân quang, dây dẫn đầu J mềm linh hoạt chống gập - Tốc độ dòng: 20G khoảng (15~25ml/ph); 22G khoảng (7.2~11.25ml/ph), bơm tiêm có lỗ luồn guidewire - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	20
140	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 4/5Fr dài 8/ 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trẻ em 4Fr cỡ nòng 20, 22G, 5Fr cỡ nòng 18, 20G - Catheter polyurethane có cân quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập - Catheter 4Fr, 5Fr chiều dài 8cm/13cm, dây dẫn 0.018" x 45cm, cây nong 5F, 6Fr chiều dài 6cm, bơm tiêm có lỗ luồn guidewire, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng 4Fr (8~25ml/ph); 5Fr (10~35ml/ph) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	25
141	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, có cân quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 2 nòng, kích cỡ (14G/16G)/(16G/16G) - Kim dẫn 18G chữ Y - Dây kim loại dẫn đường dài tối thiểu 50cm, đầu chữ J - Có dao mổ, kim nong và bơm tiêm - Tốc độ dòng: ≥ 50 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	400
142	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15cm/16cm/ 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, có cân quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15cm-20cm. Catheter có 2 nòng, kích cỡ 18G, 14G. - Kim dẫn 18G chữ V, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
143	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, cỡ 7Fr, dài 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, có phủ thuốc Polyhexanide kháng khuẩn, có cân quang. Đường kính ngoài 7Fr. Chiều dài 15-16 cm, có vạch đánh dấu chiều dài catheter. Catheter có 2 nòng, kích cỡ nòng G16, G16 - Kim dẫn 18G chữ V sắc bén, có van ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	400
144	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, 7F, 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng polyurethane, có cân quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 3 nòng, kích cỡ 18G, 18G, 16G - Kim dẫn 18G chữ Y - Dây kim loại dẫn đường dài tối thiểu 50cm, đầu chữ J - Có dao mổ và kim nong - Tốc độ dòng: 20 - 72 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
145	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15-16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng polyurethane, có cân quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 3 nòng, kích cỡ 18G, 18G, 16G - Kim dẫn 18G chữ V, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều, - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
146	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15 - 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Chất liệu bằng polyurethan - Kích cỡ 7Fr, dài 15 - 20 cm - Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm trên vách - Dây dẫn đầu J dài 50cm bằng kim loại - Kim dẫn đường thẳng - Có dao mổ - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	500
147	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5/5.5Fr dài 6/8/13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường trẻ em - Chất liệu: Catheter polyurethane tương thích sinh học có cân quang. Dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan mềm, chống gãy gấp - Kích thước: cỡ nòng 20, 22, 22 Ga, OD= 1.5m/1.85mm, dài 6/8/13cm. Dây dẫn: OD= 0.018" x L=45cm * Catheter 4.5Fr, cây nong 5Fr (OD =1.67mm), bơm tiêm có lỗ luồn guidewire, kim thẳng 21G x 4cm, dao * Catheter 5.5Fr: cây nong 6Fr, bơm tiêm có lỗ luồn guidewire, kim thẳng 21G x 4cm, dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	300
148	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng chất liệu polyurethan, có phủ thuốc Polyhexanide kháng khuẩn, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 20cm; 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18 - Kim dẫn 18G chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; dây kim loại dẫn đường dài 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có valve 2 chiều, có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.500
149	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, phủ chlorhexadine và silver sulfadiazine, 7Fr, dài 16cm hoặc 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường phủ thuốc, bao gồm các bộ phận sau: - Catheter bằng polyurethane, không chứa latex, cân quang, có phủ thuốc kháng khuẩn chlorhexidine và silver sulfadiazine lòng trong catheter, đầu catheter mềm. - Kích cỡ: 7Fr, dài 15-16 cm - Cấu tạo gồm 3 nòng, kích cỡ nòng 18G, 18G, 16G - Dây dẫn đường lò xo khoảng 60cm có đầu cong chữ J - 1 kim dẫn 18G - 1 kim đo áp lực tĩnh mạch - 1 bơm tiêm 5 ml, trên thân có lỗ luồn dây dẫn đường - 1 cây nong 8.5F x (10±0.2)cm - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.000
150	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 24G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 2Fr/24G, dài 30 ± 1 cm - Tốc độ truyền dịch 4.5 - 5.0 ml/phút - Thể tích mỗi dịch ban đầu khoảng 0.13ml - 01 kim dẫn đường cỡ 20G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
151	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 28G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 1Fr/28G, dài 20 ± 1 cm, trên thân có vạch chia mỗi cm, có cánh cố định - Tốc độ truyền dịch 0.7 - 0.8 ml/phút - 01 kim dẫn đường cỡ 24G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
152	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường, dài 20cm - Chất liệu bằng Polyurethane, phủ thuốc kháng khuẩn AGB - Catheter có đường kính ngoài 8.5Fr, kích cỡ lòng 16G, 14G, 18G, 18G - Dây kim loại dẫn đường lò xo, mềm dẻo, tránh vận xoắn - Đường kính 0.80-0.82mm, chiều dài khoảng 60cm, có đầu thẳng, đầu cong chữ J, định vị bằng ECG - Kim dẫn đường thẳng, 18G, dài 6.3 - 6.4cm - Bơm tiêm 5ml, cây nong 9Fr, đường kính 3.0mm dài 10 - 11cm - Nắp đậy không lỗ, kẹp Catheter - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
153	Cây bàn chải vệ sinh nướu tích hợp hút dịch trên ống	Cây bàn chải vệ sinh nướu tích hợp hút dịch trên ống dùng cho người bệnh có nướu nhạy cảm, dễ bị tổn thương. - Chất liệu: TPE, PP, đầu ống bằng silicon mềm - Dài: 205 ± 05mm - Độ rộng của đầu nướu là 17 ± 01mm. Mức dung dịch giữ lại được ở đầu ống khi lấy lên là 0.05 - 0.1ml. - Có chức năng hút dịch trên thân bàn chải - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10.000
154	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó dùng 1 lần	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó, dùng 1 lần - Bằng nhựa PVC - Đường kính 3.3mm/5.0mm, dài 700 - 800mm - Cây có 1 đầu cong nhẹ dạng Bougie - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	600
155	Cây thông nòng đặt nội khí quản	Cây thông nòng đặt nội khí quản - Chất liệu: lõi bằng aluminum dễ uốn, vỏ bằng plastic trơn - Đầu que mềm hạn chế được việc gây tổn thương - Kích cỡ: * Cỡ 6 dài 280 ± 05mm tương thích ống nội khí quản cỡ 2.5 đến 4.5 * Cỡ 10 dài 350 ± 05mm tương thích ống nội khí quản cỡ 4.0 đến 6.0 * Cỡ 14 dài 350 ± 05mm tương thích ống nội khí quản >5.0 trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	500
156	Chăn làm ấm thân trên, người lớn	Chăn làm ấm thân trên, người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau), cho phép chăn ôm sát và phân bố luồng không khí đều. - Kích thước 208cm x 71cm (chưa căng phồng); 183cm x 61cm (đã căng phồng) - Có hai vị trí kết nối ống thổi linh hoạt - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
157	Chăn làm ấm toàn thân người lớn	Chăn làm ấm toàn thân người lớn. - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở hoặc ảnh hưởng. - Có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau), cho phép chăn ôm sát và phân bố luồng không khí đều, dễ dàng thăm khám mạch và nhịp tim. - Kích thước: 102 x 201cm (chưa căng phồng); 84 x 188cm (đã căng phồng) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	200
158	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiết khuẩn hơi nước	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: Giấy 75%, Aluminum 8%, polypropylene 4%; ($\pm 5\%$) - Kích thước: 5.1 x 1.9cm ($\pm 5\%$) - Áp dụng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	miếng	198.500
159	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất liệu: Kim loại - Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người - Lắp vào khay giữ phần chất thử bị che khuất một nửa, mô phỏng phần nổi của một dụng cụ phẫu thuật - Kích thước: 89 x 25mm ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.100
160	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Que	7.000
161	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất liệu: Kim loại - Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người - Kích thước: 89 x 25mm ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	700
162	Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Kích thước: 1.5 x 20cm ($\pm 5\%$) - Thành phần: Giấy in thông tin và mực chỉ thị - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Que	480
163	Chỉ thị sinh học dành cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiết khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Thành phần: * Ống đóng sẵn có chứa bào tử <i>Geobacillus sterothermophilus</i> * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ, phân biệt được chỉ thị sinh học trước và sau tiết khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ sau 15- 30 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ống	1.680
164	Chỉ thị sinh học tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Thành phần: * Ống đóng sẵn chứa bào tử <i>Bacillus Atropheus</i> * Chỉ thị hóa học trên ống chỉ thị có đổi màu rõ, phân biệt được chỉ thị sinh học trước và sau tiết khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ ≤ 4 giờ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ống	850

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
165	Chỉ thị sinh học, kiểm tra tiết khuẩn hơi nước	Chỉ thị sinh học dùng cho kiểm soát khối của tiết khuẩn hơi nước - Thành phần: * Ống đóng sẵn chứa bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> * Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Cho kết quả sau khi ủ 20-30 phút - Dùng cho chương trình tiết khuẩn 132°C - 135°C - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ống	1.650
166	Đai cổ chân	Đai cổ chân hỗ trợ chấn thương khớp cổ chân nhẹ nhàng, dùng trong các trường hợp viêm khớp, giãn dây chằng, các cơ - Chất liệu: Neoprene tự dính, khóa Velcro - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	30
167	Đai cổ định xương đòn	Đai cổ định xương đòn sử dụng cổ định xương đòn trong chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn - Chất liệu: đệm mút, vải cotton mềm - Định hình ôm quanh phần xương đòn và nách, dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ tương ứng số đo vòng ngực: 61-75cm, 76-85cm, 86-95cm, 96-105cm, >105cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	100
168	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới hỗ trợ cột sống vùng thắt lưng sau phẫu thuật, dự phòng tổn thương cột sống, đau nhức cột sống vùng thắt lưng cấp và mãn tính. - 4 thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và vải thun lưới. Có hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt vào vùng thắt lưng bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - Chiều cao 22cm, kích cỡ tương ứng với vòng eo: 50-65 cm, 65-80 cm, 80-95cm, 95-110cm, 110-125cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	570
169	Đai cột sống lưng, chất liệu vải thun	Đai cột sống lưng hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng cột sống lưng - Chất liệu: vải thun y tế mỏng nhẹ, có các thanh Plastic cố định cột sống. Tích hợp hạt gốm sinh học phát ra tia hồng ngoại xa giúp thúc đẩy quá trình tuần hoàn máu, có 2 dây đai - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	200
170	Đai đầu gối	Đai đầu gối dùng trong hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương đầu gối, hỗ trợ vận động chơi thể thao. - Chất liệu: Neoprene tự dính, băng nhám dính. - Cao khoảng 21 → 22cm, dài khoảng 68 → 70cm - Kích thước tương ứng 2 chu vi đầu gối: ≤42cm; >42cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	150
171	Đai đầu gối hỗ trợ	Đai đầu gối hỗ trợ phòng ngừa các chấn thương đầu gối - Chất liệu: Vải thun co giãn 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao, chống trượt. - Kích thước: S (27 ~ 32cm) M (32 ~ 37cm) L (37-42cm) XL (42-47cm) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	100
172	Đai đầu gối, băng vải	Đai đầu gối cứng phòng ngừa các chấn thương đầu gối, có thể điều chỉnh áp lực - Chất liệu: vải Hi-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Giúp đỡ mô hồi, lưu thông máu và giảm phù nề và đau đầu, và bảo vệ da trơn tru. - Rộng khoảng 81 → 102cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	100
173	Đai hơi cổ chân	Đai hơi cổ chân hỗ trợ sau mổ, sau bó bột đầu dưới hai xương cẳng chân, điều trị gãy mắt cá chân trong, ngoài, phù hợp cho cả chân trái và phải - Chất liệu: PE, PP, đệm xốp, miếng dán velcrocell và bơm hơi. - Cấu tạo: 2 miếng ốp PP có hình dáng phù hợp bên trong và bên ngoài khớp cổ chân, 2 bao hơi PE, có đệm xốp, kết nối bằng keo dán với ốp PP, 2 đai dán velcrocell, bơm hơi 2 đầu - Kích thước: cao khoảng 25 ± 0.1cm	Cái	20

Sst	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
174	Đai khớp vai	Đai khớp vai sử dụng trong trường hợp căng vai, giãn dây chằng khớp vai. - Chất liệu: Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích cỡ: tương ứng với độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-30cm, 30-35cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	100
175	Đai khuỷu tay	Đai khuỷu tay hỗ trợ các chấn thương vùng khuỷu tay cứng - Chất liệu: vải Hi-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Có tấm lót bên trong cố định vùng khuỷu tay - Kích thước: cao khoảng 6 → 7cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	110
176	Đai treo tay	Đai treo tay sử dụng trong trường hợp tổn thương khớp vai sau tai biến mạch máu não, gãy xương, chấn thương căng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay, hỗ trợ tay ở trạng thái nghỉ. - Chất liệu: Vải cotton. - Có khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích thước: tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm, > 40cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	200
177	Dao mổ cùng mạc, 15 độ	Dao mổ cùng mạc, tạo đường hầm 15 độ - Tay cầm bằng nhựa, có vị trí giúp chống trượt, lưỡi dao bằng hợp kim - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	bộ	1.200
178	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000 - Theo dõi huyết động ít xâm lấn, cung cấp các chỉ số huyết động chuyên sâu: CCO, CCI, SV, SVI, SVV, DO2 - Bộ cảm biến với dây áp lực dài 60 inch (152cm), các chỉ số huyết động được tự động cập nhật với tần suất mỗi 20 giây/ lần. - Tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
179	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực cao	Đầu nối an toàn không kim - Cấu tạo: Lớp vỏ ngoài bằng polycarbonat, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP. Van dạng lò xo hoặc vách ngăn đôi, mặt van phẳng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền, Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Chiều dài: 3 ± 0.5 cm - Thể tích mỗi dịch < 0.1ml - Tốc độ dòng chảy tối thiểu 160ml/phút - Chịu được áp lực ≥ 250 psi - Số lần sử dụng ≥ 200 lần tiêm truyền - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50.000
180	Đầu nối ống thông dùng trong thẩm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông	Đầu nối ống thông dùng trong thẩm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng titanium - Đường kính trong 1.04" - 1.30" (2.64 - 3.30 mm), đường kính ngoài 1.92" - 2.00" (4.88 - 5.08 mm) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	35
181	Đầu phun khí dung	Đầu phun khí dung - Kích thước: 67 x 48 x 25 mm ($\pm 10\%$) - Khối lượng: ≤ 14 gr - Thể tích chứa thuốc: 6 ml - Kích thước hạt trung bình: 3.0 - 3.2 μ m - Tốc độ phun thuốc: > 0.2 mL/phút - Thể tích cặn thấp: < 0.1 ml khi phun 3ml thuốc - Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB	Cái	150

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
182	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn - Gồm bộ cảm biến đo áp lực truwave, ống xả, bộ dẫn truyền tĩnh mạch, dây dẫn 48" và 12", 2 khóa 3 ngã - Tương thích máy EV1000 của Bệnh viện	Bộ	350
183	Dây máy thở cho người lớn tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Dây máy thở cho người lớn - Tích hợp với dây đốt nhiệt dành cho người lớn (đường kính 22mm) - Chiều dài: 1.5m - Lưu lượng dòng chảy: 10-60L/phút - Thời gian sử dụng tối đa 14 ngày - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent)	cái	320
184	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo - Chiều dài: khoảng 58 → 110cm - Có 2 mặt, một mặt mềm tiếp xúc với da để tạo cảm giác mềm mại khi mang. Mặt còn lại hơi thô và không dính vào áo quần khi mang - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100
185	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền 150cm± 0.5cm	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền, dùng cho ống bơm tiêm cân quang 2 nồng - Chất liệu: nhựa PVC, không DEHP - Chiều dài: khoảng 150 ± 0.5cm, đường kính trong khoảng 1.5 → 1.6mm - Chịu áp lực khoảng 300psi - Trong suốt, chống xoắn, đầu nối luer lock an toàn, chống rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - Tương thích ống bơm tiêm cân quang của máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nồng) của Bệnh viện	cái	400
186	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang, cỡ 30 ± 01cm	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài: 30 ± 01cm, đường kính trong 03 ± 01 mm - Kháng lực 2 bar hoặc tương đương - Đầu nối Luer Lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	40.000
187	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 ± 5cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện - Chất liệu: PVC, không có chất phụ gia DEHP, mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 140 ± 5cm, đường kính trong 0.8 → 1.0mm, đường kính ngoài 1.8 → 2.0mm - Thể tích đuổi khí ≤ 1ml - Kháng lực 2 bar hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40.000
188	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 150 ± 5cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện - Chất liệu: PVC, không Pyrogenic, mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 150 ± 5cm, đường kính trong khoảng 1.0 -1.3mm, đường kính ngoài khoảng 2.0 → 2.5mm - Thể tích đuổi khí ≤ 1ml - Kháng lực khoảng 18.5 psi hoặc tương đương - Áp lực hút 450mmHg hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter, đảm bảo không rò rỉ, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra, đầu vô - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
189	Dây nối oxy dài tối thiểu 2m	Dây nối oxy - Chất liệu: nhựa PVC pha silicone trung tính - Đường kính lòng ống khoảng 6mm, chiều dài tối thiểu 2m - Đầu nối tương thích với các dụng cụ cung cấp và hệ thống oxy nguồn của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	760
190	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5 cm, đường kính trong khoảng 3mm, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch $15\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn 99,9% - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt kiểu con lăn - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chí chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20.000
191	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ, dài khoảng 150cm	Dây truyền dịch có bộ phận chỉnh tốc độ dịch truyền - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chiều dài: khoảng 150cm, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài khoảng 4mm, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng $15\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Có khóa dừng, bộ phận điều chỉnh tốc độ từ 3ml/h $\rightarrow$ 270ml/h - Tương thích với các loại dây nối, catheter, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.500
192	Dây truyền dịch đuổi khí tự động	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5 cm, đường kính trong khoảng 3mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng $15\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuổi khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	400.000
193	Dây truyền dịch đuổi khí tự động có kẹp khóa trên dây	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây 180 ± 5 cm, đường kính trong khoảng 3mm, có cửa tiêm thuốc an toàn là cổng kết nối không kim, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, với màng lọc Hydrophilic kích cỡ $15\mu\text{m}$ - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuổi khí, ngưng truyền khi hết dịch với tốc độ truyền 20 giọt/ml, thể tích đuổi khí 18ml - Nắp dây đuổi dây truyền với màng lọc Hydrophobic 1.2 micron cho phép tự động đuổi khí chỉ bằng 1 tay - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt và 1 kẹp khóa trên dây - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	130.000

Stt	Tên danh mục và đơn vị chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
194	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài khoảng 180cm	Dây truyền dịch tránh ánh sáng dùng trong tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư - Chất liệu: PUR, không chứa DEHP, tránh ánh sáng - Chiều dài dây: khoảng 180cm, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài khoảng 4mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng 15µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuổi khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	500
195	Dây truyền máu đầu tròn	Dây truyền máu đầu tròn - Chất liệu: PVC - Chiều dài: 160 - 165cm - Bầu đếm giọt: bằng Polypropylene, gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, có màng lọc bằng PET, kích thước mắt lưới lọc 175 - 210µ, 20 giọt/ml - Đầu nối male, đầu tròn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối, có kim 18G - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	18.000
196	Dây truyền máu đầu xoắn	Dây truyền máu đầu xoắn - Chất liệu: Polyamide - Chiều dài: 180 - 185cm, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài khoảng 4mm - Bầu đếm giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm², kích thước mắt lưới màng lọc 200µ, đầu lấy máu mũi tù, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đuổi khí tự động - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	3.000
197	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn 70mm, vòng cắt tối đa 57mm - Đế dán vào da có độ pH từ 4.0 - 5.5 - Thời gian sử dụng tối thiểu >3 ngày - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Không gây kích ứng da, không tồn dư keo trên da sau khi tháo - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	350
198	Đế lồi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế lồi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn 70mm - Cấu tạo: + Đế lồi có phần lồi ra ngoài tạo được áp lực lên vùng da xung quanh hậu môn nhân tạo + Đế dán vào da có độ pH từ 4.0 - 5.5 + Đế có phần gắn kết với túi có thể nhấc lên khi gắn - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO	Cái	200
199	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi gỗ dùng trong thăm khám vùng hầu họng - Chất liệu: gỗ thông hoặc gỗ tự nhiên - Kích cỡ: 150 x 20 x 2mm (±05%) - Đặc điểm: trơn láng, không bén cạnh, không trầy xước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	150.000
200	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dán đo dẫn truyền thần kinh vận động - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước điện cực: 470 → 475mm² - Diện tích ghi 50 → 55mm², dây dài 1.2 → 1.5m - Mỗi điện cực với dây dẫn mã màu đỏ, xanh lá cây và màu đen - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cặp	680

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
201	Điện cực đất dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực đất chống nhiễu dùng trong đo vận động, khảo sát kim EMG - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước: Dây dài 1.5 → 2.0m - Diện tích tiếp xúc: 1240 → 1245mm ² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	350
202	Điện cực nhả dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực nhả đo dẫn truyền thần kinh cảm giác - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài khoảng 1m - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
203	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn - Cấu tạo: gồm 2 miếng dán cố định hai bên má người bệnh - Chất liệu: hydrocolloid, không chứa Latex - Băng cố định vùng gáy có thể tháo rời và thay thế, phần cố định ống nội khí quản có thể di chuyển được, tránh loét môi, có ống chống cắn - Dùng cho ống nội khí quản có đường kính từ 5 → 10mm - Thời gian sử dụng tối đa 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
204	Dụng cụ khám âm đạo tiết khuẩn	Dụng cụ khám âm đạo - Chất liệu: nhựa PS trong suốt - Kích cỡ: M, L - Đặc tính: trong suốt, trơn láng, cạnh không bén - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	Cái	2.200
205	Dụng cụ nâng cổ từ cung	Dụng cụ nâng cổ từ cung, giảm áp lực mở cổ từ cung ngừa sinh non - Chất liệu: silicon, đàn hồi có thể gấp lại - Đường kính ngoài: 65 → 70mm; đường kính trong: 32 → 35mm; chiều cao: 21 → 25mm - Có lỗ thoát dịch - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
206	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép sử dụng tập luyện hít thở và tổng dờm, tăng chức năng phổi trước và sau phẫu thuật, ngăn ngừa các biến chứng về phổi như viêm phổi sau phẫu thuật - Cấu tạo: có 2 phần Tập luyện cơ hít vào (IMT: tối đa 40 ±2 cmH2O) Áp lực thở ra gắng sức (PEP: tối đa 20 ±2 cmH2O)	Cái	400
207	Dung dịch điều trị vết thương hở và giảm sẹo, dạng xịt	Dung dịch điều trị vết thương hở và giảm sẹo, dạng xịt - Thành phần: Dầu tự nhiên (dầu Neem, propane, butane) - Dung tích: ≥ 10ml - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Chai	20
208	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực - Thành phần: Hexamethyldisiloxane khoảng 60 - 90%, Isooctane 8 - 15%, Acrylate Terpolymer 3 - 15%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer 0.1 - 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 72 giờ - Thể tích: 28 → 30ml - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Chai	2.300
209	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt - Thành phần: Glycerid, acid linoleic 60 - 65%, vitamin E 99 100%, hương hạt hồi 1-2% - Đặc tính: phục hồi lớp hydrolipid bảo vệ da và thúc đẩy sự tái tạo lớp tế bào biểu bì, phục hồi màng lipid trên da - Thể tích 18-20ml - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Chai	2.800

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
210	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, dạng kem	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, dạng kem - Thành phần: Nước: 40 – 70%; dầu dừa: 7 - 15%; Glycerol: 3 - 10%; Isopropyl palmitate: 3 - 10%; Poly(oxypropylene)stearyl ether: 3 - 10%; Paraffin Wax: 3 - 7%; Bis(1-methylheptyl) Adipate: 1 - 5%; Poly(dimethylsiloxane): 1 - 5%; Silicic acid, muối natri - Thời gian tác dụng khoảng 8 giờ - Trọng lượng 28 - 30g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	600
211	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1ml - Thành phần: Hexamethyldisiloxane 65 → 90%, Isooctane 8 → 12%, Acrylate Terpolymer 3 → 12%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer 0.1 → 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 72 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Gói	2.000
212	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm Thành phần gồm: Colloidal silver 2 - 3%, Hyaluronic acid sodium salt 0.2 - 0.3%, Silicon dioxide 4.5 - 5.0%, Aluminum silicate 90 - 93%. Van ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn Trọng lượng: ≥ 10g Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Chai	12
213	Dung dịch lọc máu I	Dung dịch lọc máu I Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0.5g • Nước tinh khiết - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Can	3.500
214	Dung dịch lọc máu II	Dung dịch lọc máu II Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H ₂ O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45.75g • Acid acetic: 81.00g • Glucose H ₂ O: 494.99g • Nước tinh khiết - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	can	6.500
215	Dung dịch điều trị vết thương	Dung dịch điều trị vết thương - Thành phần: 0.2 - 0.3 % muối natri axit hyaluronic, bạc, vitamin E - Khối lượng: ≥ 50 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Chai	40
216	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 10cm - Cấu tạo: gồm 2 lớp gạc hydrofiber, sợi sodium carboxymethylcellulose tẩm khoảng 1.0 → 1.5% ion bạc - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	2.200
217	Gạc Alginate, cỡ 15 x 15cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 15cm - Thành phần: Muối Calcium; Alginic acid: 60-90%, Carboxymethyl Cellulose: 10-30%, Muối bạc: 3-7% - Kích thước: 15 x 15cm (±05%) - Khả năng hút dịch tiết: tối thiểu 0.2g/cm ² - Thời gian lưu băng: tối đa 14 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	250

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
218	Gạc Alginate, dạng cuộn, cỡ rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng - Thành phần: Muối Calcium; Alginic acid: 60-90%, Carboxymethyl Cellulose: 10-30%, Muối bạc: 3-7% - Kích thước: rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm, dạng cuộn - Khả năng hút dịch tiết: tối thiểu 0.2g/cm² - Thời gian lưu băng: tối đa 14 ngày tùy theo lượng dịch tiết - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	700
219	Gạc băng mắt 5 x 7cm	Gạc băng mắt - Băng cotton 100% - Kích thước: 5 x 7cm, hình oval - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	4.000
220	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	Gạc che xung quanh ống mở khí quản - Cấu tạo gồm 3 lớp: + Lớp thứ nhất làm bằng sợi viscose phủ nhôm, không dính vết thương + Lớp thứ 2 hút dịch tiết + Lớp thứ 3 là lớp vật liệu mỏng không dệt - Kích thước: 8 x 9cm (± 01) - Tương thích với ống mở khí quản có đường kính: 10 → 20mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	2.900
221	Gạc cuộn sạch, cỡ 9cm x (2-3)m	Gạc cuộn sạch - Chất liệu: 100% sợi cotton, không hồ - Kích thước: 9cm x (2-3)m - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cuộn	11.000
222	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 3- 4 lớp	Gạc dẫn lưu tại mũi họng - Chất liệu: vải không dệt 100% Rayon/ polyester, - Kích thước: 1 x 300cm, 3-4 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	cuộn	4.000
223	Gạc dẫn lưu, cỡ 2 x 300cm, 3-4 lớp	Gạc dẫn lưu tại mũi họng - Chất liệu: vải không dệt 100% Rayon/ polyester - Kích thước: 2 x 300cm, 3-4 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	cuộn	1.800
224	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm (±1cm)	Gạc đắp vết thương <15cm - Cấu tạo: gồm 1 lớp bông (100% cotton) ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước (sợi viscose hút nước 70-80% và 20-30% polyester) - Kích thước: 6 x 15cm (±1cm) - Tốc độ hút nước: thời gian chìm <10 giây - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	30.000
225	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo - Thành phần: 1. Gạc phẫu thuật không dệt (7-8) x (7-8)cm x 6 lớp (4 cái) + Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; + Độ ẩm: <8% + Trọng lượng: 35 - 40g/m² 2. Gạc lót đốc kim (3-4) x 5cm x 4 lớp (2 cái), gạc không dệt, hút nước 3. Khăn trải chống thấm 40 x 60cm, mặt trên bán thấm, mặt dưới chống thấm 4. Gạc thận nhân tạo (3-4) x (4-5)cm x 40 lớp (2 cái/gói) + 100% cotton + Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên + Trọng lượng: ≥ 23g/m² + Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Bộ	30.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
226	Gạc ép sọ não cân quang, 2 x 8cm, 4-6 lớp	- Gạc ép sọ não cân quang - Chất liệu: khoảng 60 - 70% viscose, 30 - 40% polyester, màu trắng, có sợi cân quang - Kích thước: 2 x 8cm, 4-6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước - Trọng lượng: khoảng 35-40g/m² - Tiệt khuẩn - Gói tối thiểu 20 miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	35.000
227	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm	- Gạc gắn băng dính trong suốt, dùng cho vết thương, vết mổ < 4cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 5 x 7cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt, kích thước gạc 2 x 4cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	120.000
228	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm	- Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 7cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane, phủ lớp keo Acrylic 30 ± 3 g/m², kích thước nền băng 7 x 10cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải viscose và polyester, kích thước gạc (3-4) x 7cm - Mức thấm hơi nước: ≥ 500 g/m²/24 giờ - Lực dính: ≥ 1N/cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	20.000
229	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm	- Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 25cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 25cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt khoảng 15 - 25%, kích thước gạc 4 x 20cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	25.000
230	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm	- Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 15cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc 4 x 10cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	16.000
231	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 0,8 ± 0,05mm	- Gạc Hydrocolloid - Chất liệu: Hydrocolloid dày 0,8 ± 0,05mm, có màng film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Đặc điểm: không dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm: tối thiểu 170 g/m²/ngày - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 3.5 g/m²/ngày - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	60
232	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 1.5mm ± 0.2mm	- Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel tạo hàng rào ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn, virus và các chất ngoại lai khác - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp polyurethane ngoài cùng không thấm nước, lớp foam. Lớp bám dính chứa polyme - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 1.5mm ± 0.2mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	3.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
233	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm, dày 2mm ± 0.2mm	Gạc hydrocolloid dùng chăm sóc vết thương - Cấu tạo từ hydrocolloid, lớp xốp Polyurethane dày 2mm, mặt sau là màng film polyurethane bán thấm - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 2mm ± 0.2mm - Đặc tính: tự dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm tối thiểu 590 g/m ² /ngày - Khả năng hút dịch tối thiểu 3.0 g/m ² /ngày - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	60
234	Gạc hydrocolloid, loại mỏng, 10 x 10cm	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp film polyurethane trong suốt không thấm nước - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 0.3 → 0.5mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	1.700
235	Gạc hydrogel, kích cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc hydrogel, dùng che phủ vết thương giúp cân bằng ẩm tối ưu cho nền vết thương, giúp nhanh lành thương. Dùng cho các tổn thương tỷ đè, loét chân do bệnh lý mạch máu, bàn chân đái tháo đường, bong, ngăn ngừa nứt da - Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp hydrogel khô và foam hút dịch vết thương, có lớp polymer chống dính, có màng bán thấm polyurethan - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	600
236	Gạc hydrogel, kích cỡ 15 x 15cm (±05%)	Gạc hydrogel, dùng che phủ vết thương giúp cân bằng ẩm tối ưu cho nền vết thương, giúp nhanh lành thương. Dùng cho các tổn thương tỷ đè, loét chân do bệnh lý mạch máu, bàn chân đái tháo đường, bong, ngăn ngừa nứt da - Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp hydrogel khô và foam hút dịch vết thương, có lớp polymer chống dính, có màng bán thấm polyurethan - Kích thước: 15 x 15cm (±05%) - Tiết khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	700
237	Gạc lưới lipido- colloid mắt lưới <0.5mm ² , 15 x 20cm (±05%)	Gạc lưới Lipido-Colloid, dùng cho vết thương < 15cm - Dệt lưới 100% Polyester, tấm lipido-colloid, kích thước mắt lưới <0.5mm ² - Kích thước: 15 x 20cm (±05%) - Tiết khuẩn	Miếng	350
238	Gạc lưới tấm bạc, cỡ 10 x 12cm (±05%)	Gạc lưới tấm bạc là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có dấu hiệu nhiễm trùng < 12cm - Chất liệu: dệt lưới 100% Polyester, Lipido-Colloid, phủ bạc sulphat 0.5 ± 0.1mg/cm ² - Kích thước: 10 x 12cm (±05%) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	1.100
239	Gạc lưới tấm nano- oligosaccharide, 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới tấm là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có kích thước < 10cm - Chất liệu: dệt lưới 100% Polyester, Lipido-Colloid - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Đặc tính: mắt lưới có tấm nano - Oligosaccharide khoảng 0.8 – 1.5 mg/cm ² - Thời gian lưu băng từ 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	300
240	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới là lớp băng phụ, giúp tăng sinh nguyên bào sợi, đỡ băng không đau, tăng khả năng hấp thu dịch lên lớp băng chính, dùng cho vết thương < 10cm - Chất liệu: dệt lưới 100% polyester, tấm lipido-colloid - Kích thước: mắt lưới < 0.5mm ² , gạc 10 x 10cm (±05%) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	4.200

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
241	Gạc phẫu thuật cán quang, 20 x 40cm, 4-6 lớp	Gạc phẫu thuật cán quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 20 x 40cm, 4 - 6 lớp - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm; có sợi cán quang - Tốc độ hút nước: ≤10 giây - Trọng lượng: 25→ 30gr/m ² - Gói tối thiểu 5 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	30.000
242	Gạc phẫu thuật cán quang, 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc phẫu thuật cán quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 8 - 10 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm, có sợi cán quang - Trọng lượng: 23 → 25g/m ² - Đóng gói 2 loại: gói tối thiểu 5 miếng, gói tối thiểu 2 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	150.000
243	Gạc phẫu thuật cán quang, 40 x 40cm, 4-6 lớp	Gạc phẫu thuật cán quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 40 x 40cm, 4-6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cán quang - Gói tối thiểu 5 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	20.000
244	Gạc phẫu thuật cán quang, dạng cuộn tròn, 8 x 20cm, 3-4 lớp	Gạc phẫu thuật cán quang, dạng cuộn tròn theo kích thước chiều dài - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước 8 x 20cm, 3-4 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cán quang - Gói tối thiểu 5 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	28.000
245	Gạc phẫu thuật cán quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cán quang, dạng xếp cuộn - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước: 10 x 10cm, 6-8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cán quang - Trọng lượng: 25gr/m ² ± 0.5 - Gói 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	40.000
246	Gạc phẫu thuật không cán quang, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cán quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: tối thiểu 23g/m ² - Gói 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	2.650.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
247	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 4 - 6 lớp	Gạc phẫu thuật không cản quang, không dệt - Chất liệu: 70% visco, 30% Polyester - Kích thước: 7.5 x 7.5cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. * Độ ẩm: <8 % * Các chất tan trong nước: không quá 0.5% * trọng lượng: 38 - 40g/m ² - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính - Gói tối thiểu 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	Miếng	180.000
248	Gạc phẫu thuật, cản quang, cỡ 10 x 10 cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm, có sợi cản quang - Trọng lượng: tối thiểu 23 -25g/m ² - Gói 10 miếng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	800.000
249	Gạc sạch, cỡ 10 x 10cm, 4 - 6 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 4-6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Gói tối thiểu 100 miếng - Trọng lượng: tối thiểu 23-25g/m ² - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	2.300.000
250	Gạc sạch, cỡ 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 10 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: tối thiểu 23g/m ² - Gói tối thiểu 30 miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	60.000
251	Gạc tẩm chlorhexidine 2%	Gạc tẩm chlorhexidine 2% dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: vải không dệt Polypropylen, tẩm Chlorhexidine gluconate 2%, Isopropyl alcohol 70% - Kích thước miếng gấp: 4 x 3cm (±0.5) - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	15.000
252	Gạc tẩm cồn	Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: Vải không dệt 70% visco, tẩm 70% Isopropyl Alcohol - Kích thước: 5 x 6cm, 4 - 6 lớp - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	3.000.000
253	Gạc thấm hút tẩm bạc, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc thấm hút dịch tiết, kháng khuẩn, ngăn ngừa sự hình thành màng Biofilm của vi khuẩn - Cấu tạo: lớp nền là lớp lipido-colloid tẩm bạc 0.35-0.9mg/cm ² , lớp thấm hút đa năng bằng sợi polyacrylate - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Khả năng bám dính: ≥ 1kPa - Khả năng hấp thụ 1/2h: ≥1500g/m ² - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	1.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
254	Gạc xốp (foam) tự dính, cỡ 10 x 10cm (±0.5), dày 5-6mm	Gạc xốp (foam) tự dính, cấu tạo gồm 1 miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5), dày 5-6mm - Tốc độ thoát hơi ẩm: khoảng 7.5 → 8.5g/m ² /ngày - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 5.5 → 6.5g/m ² /ngày - Thời gian lưu băng: có thể lưu tới 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	70
255	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cẳng cụt - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 10 x 11cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 14 x 15cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.000
256	Gạc xốp (foam) 13 x 17cm, màng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cẳng cụt - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 13 x 17cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 19 x 22cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.000
257	Gạc xốp (foam) 6 x 7cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cẳng cụt - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 6 x 7cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 10 x 11cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.000
258	Gạc xốp (foam) chứa bạc, cỡ 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) chứa bạc, không dính - Chất liệu: sợi alginate ưa nước - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Đặc tính: không dính, miếng gạc hấp thụ nhanh và chuyển thành lớp gel mềm, tạo môi trường làm lành vết thương. - Khả năng hấp thụ dịch: tối thiểu 0.7g/cm ² trong 24 giờ - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	50
259	Gạc xốp (foam), 10 x 20cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm - Kích thước: 10 x 20cm (±0.5), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm 7.8 -8.0 g/m ² /ngày, hấp thụ dịch 5.6 -6.0 g/m ² /ngày - Thời gian lưu có thể tới 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
260	Gạc xốp (foam), 13 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tại vùng gót chân, khuỷu tay - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao, không dính và lớp film polyurethane bán thấm - Kích thước: 13 x 10cm (±0.5), dày 7-8mm - Đặc tính: không dính, hình mũ chụp - Thời gian lưu có thể đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	10
261	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm 7.8 - 8.0 g/m ² /ngày, hấp thụ dịch 5.6 - 6.0 g/m ² /ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	100
262	Gạc xốp (foam), cỡ 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5), dày 5 - 6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm 7.8 - 8.0 g/m ² /ngày, hấp thụ dịch 5.6 - 6.0 g/m ² /ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	100
263	Gạc xốp (foam), cỡ 10x10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng trong băng vết thương tiết dịch từ trung bình đến nhiều - Chất liệu: 1 lớp Polyurethane, 1 lớp foam bọt biển - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Khả năng thấm hút và giữ dịch ≥ 199g/100cm ² - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	500
264	Gạc xốp (foam), tự dính, 15 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), tự dính - Chất liệu: miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5), dày 5mm - Đặc tính: có độ thấm hút cao, có khả năng tự bám dính vào bề mặt vết thương - Tốc độ thoát hơi ẩm 7.8 - 8.0 g/m ² /ngày, hấp thụ dịch 5.6 - 6.0 g/m ² /ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	25
265	Gạc xốp Lipido- colloid vi bám dính, 10 x 12cm (±0.5)	Gạc xốp Lipido-colloid, dùng cho vết thương cấp tính tiết dịch, bỏng độ 2, vết thương do chấn thương, vết mổ và các vết thương do bệnh ung thư gây nên, vết thương mãn tính. - Chất liệu: lớp xốp polyurethane siêu thấm và lớp lipido-colloid vi bám dính, lực vi bám dính: 2,5-7kPa. Khối lượng tấm 180g/m ² ± 40g/m ² . Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ ≥ 4300g/ m ² - Kích thước: 10 x 12cm (±0.5) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	300
266	Gạc xốp lipido- colloid, 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp lipido-colloid, dùng cho vết thương do loét tỳ đè, loét bàn chân tiểu đường có kích thước <10cm - Chất liệu: lipido-colloid hàm lượng 0.83-1.73mg/cm ² loại hydrocellular kết hợp mạng lưới lành thương - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Cấu tạo: lớp xốp mềm hơi dính kết hợp với lớp xốp thấm hút polyurethane không dệt - Khả năng thấm hút dịch từ ít đến trung bình - Thời gian lưu băng từ 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	300

Sst	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
267	Găng tay sạch bằng cao su hòa tan, không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột, các cỡ - Chất liệu: cao su hòa tan - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: tối thiểu 240 mm - Độ rộng: 75 - 105mm - Độ dày cổ tay tối thiểu 0.04 mm - Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.06mm - Độ dày ngón tay tối thiểu 0.07mm - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa 500% - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa 400% - Độ bền kéo (MPa): trước lão hóa tối thiểu 15Mpa, sau lão hóa tối thiểu 14Mpa - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 6343/ ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	1.000.000
268	Găng tay sạch có bột, các cỡ	Găng tay sạch có bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, có bột nhẹ - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS (≤ 80mm), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.10 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 200\text{mcg/dm}^2$ - Hàm lượng bột $\leq 10\text{mg/dm}^2$ - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 6343/ ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	100.000
269	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: cao su thiên nhiên - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, bề mặt nhám, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS (≤ 80mm), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.11 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 7.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Hàm lượng bột $\leq 2\text{mg/dm}^2$ (hoặc $\leq 2\text{mg/găng}$) - Hộp tối thiểu 50 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 6343/ ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	6.000.000
270	Găng tay sạch, dài 450→ 500mm	Găng tay sạch - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6.5/7.0/7.5 (chiều rộng từ 83 - 95mm, chiều dài 450 → 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Gói tối thiểu 10 đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đôi	15.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
271	Găng tay tiết khuẩn sử dụng hút đám	Găng tay sử dụng hút đám - Chất liệu: bằng Polyethylen, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Độ dày khoảng 0.008mm đến 0.04mm - Đặc điểm: thiết kế các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	150.000
272	Găng tay tiết khuẩn, dài 450 → 500mm	Găng tay tiết khuẩn - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6.5/7.0/7.5 (chiều rộng từ 83 - 95mm, chiều dài 450 → 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đôi	100
273	Găng tay tiết khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 260 đến 280 mm, các cỡ	Găng tay tiết khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: cao su neoprene (Polycoloropren), mặt ngoài phủ lớp silicon, mặt trong phủ Polyurethane và silicone - Màu sắc: xanh lá cây/ trắng sữa/ nâu - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, cổ găng tạo 1 lớp bo cổ tay không cuộn biên, có khả năng chống tế bào/virus xâm nhập, tính trơ với cồn và một số hóa chất khác - Kích cỡ: 6, 6.5, 7, 7.5, 8, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 106 ± 6mm, chiều dài tối thiểu 260mm - Độ dày tối thiểu: vùng trơn nhẵn 0.1mm, vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 600%, Lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa nhanh 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh ≥ 490% - Hàm lượng protein gây dị ứng ≤ 50mcg/dm ² - Tiết khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	100.000
274	Găng tay tiết khuẩn, không bột, dài khoảng 290 ± 10 mm	Găng tay tiết khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: mú cao su tự nhiên, phủ lớp polymer - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: số 6, 6.5, 7, 7.5 - Chiều dài tối thiểu 290 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6 (77 ± 5 mm), size 6.5 (83 ± 5 mm), size 7 (89 ± 5 mm), size 7.5 (95 ± 5 mm) - Độ dày tối thiểu: vùng trơn nhẵn 0.1mm, vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 24N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 700%, lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa nhanh 9N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 550% - Hàm lượng protein gây dị ứng ≤ 50mcg/dm ² - Tiết khuẩn, đóng gói từng đôi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Đôi	380.000
275	Gel alginate chăm sóc vết thương	Gel alginate chăm sóc vết thương - Thành phần: chứa ion bạc alginate - Hàm lượng bạc: 12 mg/g kháng khuẩn, pH: 6.5 - 7.5 - Trọng lượng 15 - 20g - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ông	200
276	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 2-4g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 2 - 4g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	28.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
277	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 5-7g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa hoặc siêu âm trong các thủ thuật - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5 - 7g - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Gói	5.000
278	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 80-90g	Gel bôi trơn tan trong nước, trọng lượng 80-90g - Thành phần: Nước khử ion, Hydroxy Ethyl Cellulose, Glycerin, Citric Acid, Propyl Paraben, Methyl Paraben - Đặc tính: không gây kích ứng da, hòa tan trong nước, không chứa dầu và các chất nhờn, không mùi, không chứa cồn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ông	3.500
279	Gel điện cơ	Gel điện cơ, điện não giúp tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh - Thành phần: Water, Cetareth-20, Glycerin, Hydrated silica, Calcium carbonate, Paraffinum liquidum, Dimethicone, Hydroxyethylcellulose, Sodium chloride, Potassium chloride, Phexyethanol, Ethylhexylglycerin - Chất liệu dạng: gel - PH: 6.5 - 7.5 - Độ nhớt: >100.000 cP - Thể tích lọ tối thiểu 220g - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Lọ	20
280	Gel điện tim 250 - 300ml	Gel điện tim giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu khi đo điện tim - Thành phần: nước, polymer, chất hút ẩm, chất bảo quản, chất tạo màu - Thể tích: 250 - 300ml - Đặc tính: gel hòa tan trong nước, không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt - Độ pH khoảng 6.5 - 7 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	1.500
281	Gel hỗ trợ điều trị vết thương	Gel hỗ trợ điều trị vết thương - Thành phần: muối natri axit hyaluronic 0.2 - 0.3% - Trọng lượng: ≥ 30g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	30
282	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử để tạo gel hỗ trợ quá trình loại bỏ các mô hoại tử, đồng thời duy trì môi trường ẩm giúp thúc đẩy quá trình lành thương. - Thành phần: polysaccharide thực vật galactomananne hút nước cao và Propylene glycol. pH 5.0 đến 8.0. - Trọng lượng: 15 - 20gr - Tính nhớt ≥ 100cps. Hydrogel không định hình, trong suốt, có chứa lượng nước cao (trung bình > 80%) - Đóng gói tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ông	290
283	Gel làm sạch da	Gel làm sạch da, giảm trở kháng giúp độ dẫn truyền điện cực theo dõi điện não tốt hơn - Thành phần: Nước, Aluminum Oxide, 1,2 Propanediol, Sodium Polyacrylate, Methylparaben, Propylparaben, FD&C Blue 1, FD&C Red 40, FD&C Yellow 5 - Trọng lượng 110 - 115g - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ông	30
284	Gel siêu âm	Gel siêu âm tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm - Thành phần: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối - Độ pH: 6.5 ± 0.75 - Thể tích can tối thiểu 5l - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lít	7.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
285	Gel siêu âm, 15-20gr	Gel siêu âm sử dụng trong các thủ thuật siêu âm - Thành phần: Polymer, chất giữ ẩm, nước tinh khiết - Gel tan trong nước, không gây kích ứng da, có thể sử dụng trên vết thương hở - Trọng lượng 15-20gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO / FDA	Gói	480
286	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/hút mỡ bụng bằng vải kép: + Lớp vải ngoài: 55-60% polyamide, 40-45% elastane + Lớp vải trong: 75-80% polyamide, 20-25% elastane - Kích cỡ: 4XS, 3XS, 2XS, XS, S, M, L, XL, 2XL, 3XL - Không chứa latex, không gây dị ứng	Cái	80
287	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi, các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : Polyamide và Elastane	Cái	5
288	Gen định hình sau phẫu thuật ngực	Gen định hình sau phẫu thuật ngực, các cỡ tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : 80 - 85% polyamide, 16 - 20% elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	150
289	Gen vùng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ	Gen vùng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ các cỡ, tạo ra lực nén cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm phục hồi nhanh và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane	Cái	17
290	Giấy gói dụng cụ, cỡ 100 x 100cm (± 10%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 100 x 100cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khí tháo bằng keo chỉ thị - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tờ	43.560
291	Giấy gói dụng cụ, cỡ 120 x 120cm (± 10%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 120 x 120cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khí tháo bằng keo chỉ thị - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tờ	1.500
292	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m ² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 80 x 80cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khí tháo bằng keo chỉ thị - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tờ	87.000
293	Gói thử chất lượng tiệt khuẩn hơi nước	Gói thử chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: Giấy 90-98%; Sulfur 1-2%; Acrylic polymer 0-1% (±5%) - Kích thước: 13 x 11 cm (±5%) - Không chứa chì - Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 132-134°C - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Gói	2.000
294	Gòn lót bột 10cm x 2.7m	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 10cm x 2.7m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	280

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
295	Gòn lót bột 15cm x 2.7m	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 15cm x 2.7m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cuộn	500
296	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu - Chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ, transducer protector: 2 cái, dây truyền dịch, túi xả 2 lít - Đường kính dây bơm: 8 x 12mm, dài 350mm/420mm - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm/22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T) - Tổng chiều dài dây động mạch: 4000 ± 20mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3220 ± 20mm - Trọng lượng dây động mạch: 130 ± 10g, trọng lượng dây tĩnh mạch: 89 ± 10g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Bộ	24.000
297	Hệ thống giác hút cầm tay	Hệ thống giác hút cầm tay giúp sanh các kiểu thể của ngói đầu: Châm vệ, châm cùng, châm ngang và mỏ lấy thai - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều cao 2-3cm, đường kính 6 ± 0.5cm - Có thanh chỉ số lực kéo đo áp lực mỗi lần kéo, kiểm soát được lực trong khoảng 450-600 mmHg. Dây nối 10 → 12cm, nắp nhỏ gọn hỗ trợ đặt thiết bị vào điểm cúi (cách thóp sau 3cm trên đường kính dọc giữa) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	150
298	Dung dịch điều trị vết thương dạng kem	Dung dịch điều trị vết thương dạng kem - Muối natri của axit hyalurononic 0.2 - 0.3%, bạc Sulfadiazine ≥ 1% - Trọng lượng: ≥ 25gram - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	30
299	Kèm sinh thiết khí phế quản	Kèm sinh thiết khí phế quản - Đầu kèm hình oval, có lỗ bên - Kèm có răng cưa - Thân kèm có nhiều điểm đánh dấu. Dây kéo kép - Đường kính 1.8 mm. Chiều dài 100 cm - Tiệt khuẩn - Tương thích với ống soi khí quản tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
300	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Keo làm đầy, chống rò rỉ cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose - Đặc tính: dạng sệt hơi hạt, ẩm, có chứa cồn - Trọng lượng: 56 - 60g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Ông	130
301	Kẹp dây túi lọc màng bụng	Kẹp dây túi lọc màng bụng - Chất liệu Polyethylene hoặc nhựa Acetal - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	120
302	Kẹp khóa ống thông khí thay bộ chuyển	Kẹp khóa ống thông khí thay bộ chuyển - Chất liệu bằng Polyethylene - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	200
303	Kẹp rốn	Kẹp rốn trẻ sơ sinh - Chất liệu: bằng nhựa - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn: ISO	Cái	5.000
304	Kẹp túi hậu môn nhân tạo	Kẹp túi hậu môn nhân tạo - Chất liệu nhựa - Có bản lề hình cong, có thể tái sử dụng - Tiêu chuẩn: ISO	Cái	350

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
305	Khăn phẫu thuật, cỡ 100 x 100cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi. - Kích thước: 100 x 100cm (±05%), không có lỗ - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	2.000
306	Khăn phẫu thuật, cỡ 120 x 160cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 120 x 160cm (±05%), không có lỗ - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	1.800
307	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60cm (±05%)	Khăn phẫu thuật được sử dụng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 60 x 60cm (±05%), lỗ hình tròn - Tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	13.000
308	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương	Khẩu trang 4 lớp có mặt nạ chống sương - Có thanh tựa, dây cột, mặt nạ chống sương bằng tấm plastic trong không bị mờ, không tạo sương khi thở - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	4.200
309	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí - Hiệu quả lọc 95% với hạt có kích thước ≥ 0.3 micromet, được chứng nhận NIOSH và công khai trên web: https://www.cdc.gov/niosh/npptl/topics/respirators/disp_part/n95list1.html - Thiết kế: nếp gấp chữ V hoặc hình nón và thanh kẹp mũi để dàng điều chỉnh. - Có 02 dây đeo vòng qua đầu	Cái	700
310	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang than hoạt tính 4 lớp, dây thun - Gồm 4 lớp: + Lớp ngoài là lớp vải không dệt 100% PP, không hút nước 14gam/m ² + Lớp giữa là lớp giấy vi lọc màu trắng, chất liệu 100% PP, hiệu suất lọc BFE 97% + Lớp trong 1 là lớp màng lọc than hoạt tính màu đen của than hoạt tính, chất liệu: polyester và carbon. + Lớp trong 2 là lớp vải không dệt 100% màu trắng, không hút nước - Thanh tựa mũi: PE định hình, rộng khoảng 3mm, dày khoảng 0.8mm - Dây đeo tai: dây thun tròn có đường kính 2.5mm $\pm$ 0.2mm, dài 15 $\pm$ 01cm - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Kích thước: Rộng 9cm x Dài 17.5cm. Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng >17cm. Màu đen - Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1 - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	40.000
311	Khẩu trang y tế dây cột	Khẩu trang y tế dây cột - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dầu chỉ xơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Gồm 4 dây cột dài khoảng 40cm, Kích thước 90 x 175mm, mở rộng > 18cm - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ TCVN 8389-1:2010	Cái	150.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
312	Khẩu trang y tế dây thun	Khẩu trang y tế dây thun - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dầu chỉ sơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Dây thun đeo tai mềm đàn hồi - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/TCVN 8389-1:2010	Cái	1.400.000
313	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10 - 12 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Dây nối dài 10 - 12 cm, thể tích mỗi khoảng 0.95 ± 0.05 ml, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	3.000
314	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 100 - 105 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Dây nối dài 100 - 105cm, thể tích mỗi 6.4 ± 0.05 ml, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12.000
315	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25 - 27 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polyamide, không chứa DEHP - Dây nối dài khoảng 25 - 27 cm, thể tích mỗi 2 ± 0.05 ml, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Kháng lực khoảng 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	40.000
316	Khóa ba ngã	Khóa ba ngã - Chất liệu: Polyamide/Polycarbonate, nút đẩy bằng Polypropylene - Gồm 1 đầu male khóa xoay luer tương thích với hệ thống catheter, 2 đầu female luer lock tương thích với hệ thống dây truyền hoặc bơm tiêm, nút xoay được 360 độ - Chịu được áp lực tối thiểu 2 bar hoặc tương đương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	80.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
317	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 1 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP, chiều dài 14 - 16cm - Gồm 2 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic/Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 1 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane/ Polycarbonate, có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 1 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí $0.2 \pm 0.05\text{ml}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100.000
318	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 2 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP, chiều dài 23 - 25cm - Gồm 3 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic/Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 2 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane/ Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 2 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí $0.6 \pm 0.05\text{ml}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70.000
319	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 3 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP, chiều dài 12 - 14cm - Gồm 4 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic/Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 3 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane/ Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền, không có khoảng chết trong đầu nối giúp ngăn cục máu đông và sự tương tác của thuốc - Có 3 khóa áp lực dương - Thích hợp với môi trường MRI - Thể tích đuổi khí $0.4 \pm 0.05\text{ml}$ - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10.000
320	Kim cánh bướm, các cỡ	Kim cánh bướm dùng trong lấy máu, tiêm thuốc hoặc tiêm truyền trong thời gian ngắn - Kim chất liệu bằng Crom-Nikel, trơn láng, đầu kim 3 mặt vát tráng silicone. - Kích cỡ: 19G, 23G, 25G, 27G, đường kính ngoài 0.4 - 1.1mm; chiều dài 10- 20mm - Tốc độ dòng chảy từ: 2 - 43ml/phút, thể tích mỗi từ 0.3 - 0.4ml - Chuôi kim, 2 cánh bướm bằng polypropylen trong suốt, không chứa DEHP - Dây nối: bằng PVC/Polypropylen, không chứa DEHP, trong suốt, dài khoảng 25 - 30cm, chống xoắn, đầu có khóa luer, tương thích với các đầu nối của dây truyền, bơm tiêm, dây nối - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	4.000

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
321	Kim châm cứu nhĩ hoàn, cỡ 0.22 x 1.5 mm	Kim châm cứu nhĩ hoàn - Chất liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: 0.22 x 1.5mm - Cấu tạo: + Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có độ cứng 460 HV0.2 ~ 650 HV0.2, khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn bóng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) $\leq 0.63\mu\text{m}$ + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... Lực ép đầu mũi kim 0.5N, lực châm 0.8N - Đóng gói vì 10 cái - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.900
322	Kim châm cứu, cỡ 0.18 x 15mm	Kim châm cứu - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.18 x 15mm - Cấu tạo: + Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ, các vòng quấn tròn đều và khít nhau, không có khoảng cách, độ cứng khoảng 450 → 670 HV0.2 + Thân kim: bằng sợi thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, vạch và đường vân rõ ràng, có tính dẻo thích hợp + Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, và các khuyết điểm như cong vẹo + Lực ép đầu mũi kim: $0.4 \pm 0.1\text{N}$, lực châm $0.7 \pm 0.1\text{N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 7\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	26.400
323	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 13mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 13mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 → 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo. + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	48.800
324	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 25mm	Kim châm cứu - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 25mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 → 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	309.500
325	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 40mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 40mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 → 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	55.600

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
326	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 75mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 75mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 → 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: ≥ 15N - Tiêu chuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	14.700
327	Kim chọc dò đường mật, cỡ 16G	Kim chọc dò đường mật - Chất liệu: PTFE (Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: 16G + Chiều dài: 160mm (±05%) + Đường kính ngoài: 1.7mm - Tốc độ dòng chảy: 128ml/phút - Tiệt khuẩn	Cái	1.000
328	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	Kim chọc dò ối để lấy mẫu nước ối - Kim 21G, dài 90 - 150 mm - Trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	170
329	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	Kim chọc động tĩnh mạch - Chất liệu thép không gỉ, thon mượt - Đường kính 1.3mm, dài 70mm, 18G - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.600
330	Kim dây chỉ 0.3 x 33mm	Kim dây chỉ - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.3 x 33mm - Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, không có gờ ráp, các vòng quấn tròn đều và khít nhau. - Thân kim: độ cứng thân kim: 460 HV 0.2 kg, có khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn và sạch, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) <0.63um. - Thân kim phải có tính dẻo thích hợp, sau khi thử nghiệm quấn quanh không được có khe hở, đứt gãy hoặc phân tầng. - Lực kéo cần có để liên kết giữa thân kim và đốc kim: 14N - VI/ 5 cái - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	38.000
331	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	Kim điện cơ có cổng dùng trong tiêm thuốc - Chất liệu: Thép không gỉ, kim phủ lớp Polymer ma sát thấp, đầu nối bằng thau loại 1.5mm - Kích cỡ: dài 50mm, chuẩn 25G, đường kính: 0.50 mm - Tương thích với máy điện cơ xách tay Myoguide - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	500
332	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40mm, dùng cho máy Cadwell / Medtronic	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. - Chất liệu: Thép không gỉ, đầu nối điện cực kim được mạ vàng. - Kích cỡ: dài 40mm, đường kính kim 0.45mm, chuẩn 26G, diện tích ghi 0.07mm² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell/ Medtronic tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	9.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
333	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25mm, dùng cho máy Medtronic / Cadwell	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ - Chất liệu kim: Thép không gỉ, cảm biến: Ag, chất cách điện: Epoxy. Chuôi kim bằng: Copolymer of Acrylonitrile, Butadiene, and Styrene (ABS). Đầu nối bằng đồng/ mạ vàng, loại kết nối: 0.9 Pin - Kích cỡ: dài 25mm, đường kính kim 0.30mm, chuẩn 30G, diện tích ghi 0.02 mm², mũi vác 13° - Tương thích với máy điện cơ Medtronic/Cadwell tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	250
334	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, cứng - Đầu kim bằng ceramic, 3 mặt vát, có bọc lớp đồng ở phần phát sóng - Chiều dài kim đốt: 14, 19, 29cm - Tiệt khuẩn - Kim có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành	Cái	20
335	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực điều trị u gan	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực điều trị u gan. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước kim: 17G, kim thẳng - Chiều dài thân kim 10 - 25cm - Đầu kim nhọn, 3 mặt vát, chiều dài khoảng 0.7 - 3cm, sử dụng với điện áp cực đại tối đa 156V. - Kèm dây dẫn nước làm mát, miếng dán điện cực trung tính có công nghệ an toàn dự báo nhiệt độ tại điểm tiếp xúc. - Toàn bộ điện cực có thể được nhìn thấy qua CT hoặc hướng dẫn siêu âm, đạt chuẩn an toàn điện từ EN/IEC 60601/1/2 - Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần Valleylab Cooltip RF của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Cái	130
336	Kim lấy máu gót chân, an toàn, các cỡ	Kim lấy máu gót chân, sử dụng 1 lần, lưỡi chích có thể thu lại vĩnh viễn - Kim bằng thép không gỉ - Độ sâu 1mm, độ rộng 2.5mm cho trẻ đủ tháng và độ sâu 0.85mm rộng 1.75mm cho trẻ non tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5.000
337	Kim lấy máu thử đường huyết	Kim lấy máu thử đường huyết tại giường - Đầu kim 3 mặt cắt dễ dàng đâm qua da, đường kính kim 0.36mm (28G), độ đâm sâu 1.5mm, đầu kim phủ silicon - Kim đâm với tốc độ cao theo đường thẳng đứng: 3/1.000 giây - Kim được bảo vệ trong vỏ bằng nhựa, hình chữ T, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, không dùng bút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	300.000
338	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm các cỡ - Chất liệu kim bằng Crôm-Nikel, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, thành kim mỏng, trơn láng. - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2mm; chiều dài 40mm); 23G (đường kính 0.6mm; chiều dài 25mm), 26G (đường kính 0.45, chiều dài khoảng 6 - 12mm) - Chuôi kim bằng nhựa Polypropylen, không chứa DEHP, đầu nối luer lock, tương thích với các đầu nối male, mã màu theo kích cỡ kim - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	850.000
339	Kim lấy máu, lấy thuốc, cỡ 18 → 23 G	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm - Vỏ ngoài được làm từ nhựa PP không gây độc hại và thân kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim mặt vát với góc 9→13 độ, thành kim mỏng, trơn láng - Kích cỡ: 18 → 23G - Đầu kim có đường kính ngoài từ 0.6→1.2mm, đường kính trong từ 0.25→0.7mm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	350.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
340	Kim lấy thuốc nhiều lần	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần - Thân kim bằng ABS/ SAN; nắp dây bằng PP; nắp bảo vệ và tem van: PE; tấm lọc acrylic copolymer trên thân làm bằng nylon; đĩa van bằng silicone - Có 2 màng lọc 0.45µm lọc không khí và 5µm lọc tiểu phân - Có van một chiều giúp tránh rò rỉ thuốc khi chai bị dốc ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	4.000
341	Kim lọc thận nhân tạo, cỡ 16G/17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim 16G/17G x 1" (25mm). Kim bằng thép không gỉ - Đường kính trong của kim: 1.45mm/1.27mm, đường kính ngoài của kim: 1.65 mm/1.47mm - Đường kính trong của ống dây: 3.0 → 3.2mm; Đường kính ngoài của ống dây: 5.0 → 5.2mm; dây dài 30-40cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm - Cánh bướm xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	20.000
342	Kim lọc thận nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo, đầu kim tù - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 16G, dài 25mm, đường kính trong 1.4mm, đường kính ngoài 1.6mm - Dây nối bằng Polyvinylchloride mềm mại, không Pyrogenic, không Latex, dài 30cm; đường kính trong 3.5mm, đường kính ngoài 5.5mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.200
343	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, phủ silicone, cỡ 16G, đường kính 1.5 ± 0.5mm, dài 25 → 30mm - Dây bằng Polyvinylchloride, không Pyrogenic, không Latex dài 30 → 35cm, đường kính trong 3.5 ± 0.5mm - Lưu lượng trung bình 277ml/phút - Có đầu bảo vệ an toàn nằm sau cánh, có âm báo kích hoạt an toàn, thành kim siêu mỏng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
344	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, phủ silicone, cỡ 17G, đường kính 1.4 ± 0.5mm, dài 25 → 30mm - Dây bằng Polyvinylchloride, không Pyrogenic, không Latex dài 30 → 35cm, đường kính trong 3.5 ± 0.5mm - Lưu lượng trung bình 210ml/phút - Có đầu bảo vệ an toàn nằm sau cánh, có âm báo kích hoạt an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
345	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan vialon hoặc tương đương, có 4 - 6 đường cân quang ngầm, di động mềm mại theo mạch máu không tổn thương thành mạch; phục hồi trạng thái khi bị bẻ gãy hoặc uốn cong, giúp giảm các biến chứng - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch, báo hiệu kim đã tiêm đúng mạch - Kích cỡ: từ 18G (đường kính trong 0.98mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 20G (đường kính trong 0.83mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 22G (đường kính trong 0.67mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính trong 0.53mm; chiều dài 1.4 - 1.9cm) - Dây nối bằng Polyurethane, đường kính khoảng 1.2 - 1.6mm có van áp lực dương, cỡ 18G đến 22G chịu áp lực ≥300psi, có 2 cổng kết nối female dạng luer lock kín, mỗi cổng có 2 đầu nối không kim, trên dây có sẵn kẹp khóa, tương thích với hệ thống dây dịch truyền - Có đầu bảo vệ nguyên khối đặc biệt bung ra khi rút kim - Tốc độ truyền từ 18 - 84ml/phút - Thời gian lưu kim ≥ 6 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
346	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, có đầu bảo vệ bằng kim loại - Catheter chất liệu bằng FEP phủ Teflon, có 4 - 6 đường ngầm cân quang, có màng kỵ nước chống máu tràn ra ngoài - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.3mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 20G (đường kính 1.1mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 22G (đường kính 0.9mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính 0.7mm; chiều dài 1.9cm) - Cơ chế trào ngược 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch - Tốc độ dòng chảy từ 22 - 96ml/phút - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	120.000
347	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ - Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan hoặc tương đương, có > 5 đường ngầm cân quang - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén - Có van chống trào ngược, cơ chế báo hiệu kim đã vào đúng mạch, có nút bấm lùi kim an toàn sau khi tiêm. - Chuôi catheter bằng Polypropylene và Polycarbonate, tương thích với hệ thống dây truyền - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm, chiều dài 2.9 - 3.0cm), 20G (đường kính trong 0.7 - 0.9mm, chiều dài 2.5 - 3.0cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm, chiều dài 2.5 - 3.2cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.6mm, chiều dài 1.9 - 2.0cm) - Tốc độ dòng chảy tối đa: 20 - 95ml/giây - Áp lực tối đa ≥ 250psi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200.000
348	Kim luồn mạch máu, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: ETFE - Kích cỡ: 16G (đường kính trong 1.3mm, chiều dài khoảng 5cm), 18G (đường kính trong 0.95mm; chiều dài khoảng 5cm), 20G (đường kính trong 0.8mm; chiều dài 3.2 - 5cm), 22G (đường kính 1mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính 1mm; chiều dài 1.9cm) - Lưu lượng: từ 15 - 300 ml/phút - Có 4 - 6 đường ngầm cân quang - Thời gian lưu đến 3 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	24.000
349	Kim sinh thiết điều trị khối u vú	Kim sinh thiết điều trị khối u vú cho máy sinh thiết chân không vú - Kim bằng thép không gỉ, mũi vát, chất liệu bên trong và vỏ ngoài kim: ABS, PC và Silicon - Kích thước kim 10G, đường kính bên ngoài 3.9 ± 0.5mm; đường kính bên trong 2.7 ± 0.5mm - Đường kính bên ngoài ống dẫn khí 1.6 ± 0.5mm đường kính bên trong ống dẫn khí 1.3 ± 0.5mm - Chiều dài kim 369 ± 0.5mm - Chiều dài mũi kim 109 ± 0.5mm - Tiệt khuẩn	Cái	100

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
350	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cỡ	Kim sinh thiết, dùng cho sinh thiết mô mềm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ - Cỡ 14→22G, dài khoảng 10→20cm - Đầu kim sắc bén, cán tia X, tia siêu âm. Đầu kim dẫn đường vát 3 mặt. Đầu trên của kim có đầu Luer Lock bằng nhựa trong. Có nút nhựa trượt để đánh dấu - Thân kim cứng chắc, có đánh dấu độ sâu, có hai mức độ sâu khi sinh thiết: khoảng 10mm và 20mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	370
351	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản, cỡ 21G, 22G	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản - Chất liệu kim: Thép không gỉ - Thân kim: nhựa Fluororesin - Ruột kim: Hợp kim Nitinol - Cỡ kim: 21G, 22G - Chiều dài kim: 20 → 40mm, chính theo 2 hướng - Dụng cụ kèm theo: 1 bơm tiêm 20ml có kèm khóa 3 ngã, có nút chặn; 1 van nối kênh sinh thiết thích hợp với kênh dụng cụ có đường kính 2.0mm và chiều dài làm việc 700mm - Tương thích với ống soi khí phế quản có đường kính kênh dụng cụ 2.0mm - Hỗ trợ đặt ống soi khí trứng thâu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	300
352	Kim sinh thiết gai nhau dùng 1 lần, cỡ 18G	Kim sinh thiết gai nhau - Kim bằng thép không gỉ - Kim 18G dài ≥ 16cm và nòng sinh thiết kích thước 20G dài khoảng 22cm, có đầu phân âm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	50
353	Kim sinh thiết màng phổi	Kim sinh thiết màng phổi dùng chọc vào màng phổi cắt lấy mẫu mô màng phổi làm giải phẫu bệnh - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính 4 mm, dài 90mm - Có khóa Luer Lock ở đầu để khóa kim - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
354	Kim sinh thiết, cỡ 12 → 20G, dài 10 → 20cm	Kim sinh thiết vú, gan, thận, phổi, tuyến giáp, tuyến tiền liệt - Chất liệu bằng thép không gỉ - Kích thước: + Cỡ kim 12 → 20G, dài 10 → 20cm + Chiều dài cắt mô 19 ± 1mm + Độ sâu cắt: 15 → 22mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích súng Magnum	Cái	1.600
355	Kim tiêm dùng 1 lần, 26G	Kim tiêm dùng một lần - Chất liệu: thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa bán trong suốt - Kích cỡ 26G, dài 3.6 → 3.9 cm - Đặc tính: mặt vát sắc bén, có nắp bảo vệ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
356	Kim tiêm dùng để luồn chỉ, sử dụng 1 lần, cỡ 23Gx1"	Kim tiêm dùng để luồn chỉ - Chất liệu: bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa, - Kích thước: 23G x 1" - Bề mặt kim nhẵn, bóng không có tạp chất, vát đầu kim sắc không có gờ. Liên kết giữa đốc kim và thân kim chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Có nắp đậy đầu kim. Không có chất gây sốt (pyrogene) - Có thể luồn được chỉ có đường kính 3/0.EF 2.5 (chỉ Chromic Catgut số 3/0, 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 26mm) - VI/ 10 cái - Tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	39.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
357	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu và túi dung dịch chống đông	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu Bao gồm: - Túi dung dịch chống đông - Có filter lọc 200 μ m - Có túi đuổi khí - Túi thải thể tích 6L - Van an toàn - Tiệt khuẩn - Thể tích vòng tuần hoàn: 140 - 150ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Bộ	60
358	Lọ lấy đàm tiết khuẩn, các cỡ	Lọ lấy mẫu đàm trong phế quản - Lọ chứa đàm bằng PVC, có vạch đo, thể tích chứa từ 20 - 25ml - Nắp đậy bằng nhựa, trên nắp có 2 dây hút bằng nhựa PVC mềm trong: 1 dây hút đàm, có 2 lỗ hút và 1 dây nối có van kiểm soát - Kích cỡ dây hút đàm 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr - Chiều dài dây hút đàm dài khoảng 45 $\rightarrow$ 57cm, chiều dài dây nối $\geq$ 45cm - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12.000
359	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ dùng trong phẫu thuật - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21 - Đặc điểm: sắc bén - Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ - Tương thích với cán dao bằng tay - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	75.000
360	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn. Bao gồm: - 01 mặt nạ: bằng nhựa PVC, không latex, trên mặt nạ có kẹp mũi và đính kèm dây cố định mặt nạ vào mặt người bệnh, đường kính 2 lỗ bên khoảng 2cm - Kích cỡ người lớn: 8 x (13 $\pm$ 1)cm - Kích cỡ trẻ em: 7 x (11 $\pm$ 1)cm - Bầu chứa thuốc 8ml, đường kính 17 $\pm$ 0.5mm, bầu thẳng đứng, giảm tổn động thuốc sau khi phun, kích thước hạt từ 3 $\rightarrow$ 7 μ m - 01 dây nối dài khoảng 2m, tương thích với máy phun khí dung tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	19.000
361	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	Mặt nạ (mask) mũi miệng dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần, các cỡ - Chất liệu: miếng đệm Silicon - Kích thước: nhỏ, trung bình và lớn - Cấu tạo: + Miếng đệm ôm sát khuôn mặt, ngăn ngừa rò rỉ khí. + Khung mặt nạ nằm dưới mắt giúp tầm nhìn tự do. + Dây cố định: dạng khóa bằng từ + Miếng đo kích thước khuôn mặt - Tương thích với hệ thống dây thở không xâm lấn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
362	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, người lớn	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho người lớn - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao 14 $\pm$ 01cm, rộng 9 $\pm$ 01cm - Túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài 2 $\pm$ 0.2m, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.500

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
363	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, trẻ em	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho trẻ em - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao 09 ± 01cm - Túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài 2 ± 0.2m, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	200
364	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI	Miếng dán điện cực theo dõi tín hiệu ECG tương thích trong môi trường MRI, dùng cho người lớn và trẻ em - Không làm bằng cao su, dán trực tiếp lên da thông qua dung dịch keo đặc biệt để dẫn truyền - Quy cách: tối thiểu 4 điện cực gắn liền trong 01 miếng - Tiêu chuẩn chất lượng CE	miếng	1.200
365	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Chất liệu: nút điện cực bằng thép không gỉ, lớp nền xốp phủ gel dính keo Acrylate - Kích cỡ: 3.3 x (3.7 - 4.0)cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, gel sử dụng ít chloride, nút điện cực có nắp bảo vệ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	400.000
366	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm (± 05%)	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng (3 x 4) ± 0.5cm; xung quanh viền vải không dệt - Kích thước: 10 x 12cm (± 05%) - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥ 27nm, thấm máu và dịch tiết. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu tối thiểu 5 ngày - Tệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	11.000
367	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92 mg	Miếng dán sát khuẩn dùng cho Catheter tĩnh mạch trung tâm - Miếng dán chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92mg - Đường kính 2.5cm - Phóng thích Chlorhexidine duy trì liên tục đến 7 ngày - Hấp thu lượng dịch gấp 8 lần trọng lượng miếng dán. - Đóng gói tệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	11.000
368	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56x45cm (± 05%)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.110 → 0.200mg/cm ² , lớp giấy lót - Kích thước: băng 56 x 45cm (± 05%) - Tệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.800
369	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur, 34x35cm (± 05%)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.110 → 0.200 mg/cm ² , lớp giấy lót - Kích thước: băng 34 x 35cm (± 05%) - Tệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	4.300
370	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/ mô (rSO2) - Phân tích tín hiệu và dò tìm tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu - Cảm biến sự thay đổi về tưới máu ≤ 1.5 giây - Tiêu chuẩn: ISO/CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
371	Miếng đặt vùng cằm	Miếng đặt vùng cằm chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: KFDA	cái	16
372	Miếng đặt vùng mũi	Miếng đặt vùng mũi chất liệu silicon y tế dạng thanh, mềm mại, dai, chắc, dễ tạo hình theo hình dạng của cơ quan cần cấy ghép - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: KFDA	cái	130
373	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV các cơ	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV hỗ trợ trong chiếu đèn điều trị vàng da - Chất liệu: vải không dệt, không latex - có 2 điểm gắn kết có thể điều chỉnh độc lập - 2 miếng đệm bảo vệ mắt - Kích cỡ: 20 - 25cm, 26 - 31cm, 33 - 38cm - Tiêu chuẩn: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.000
374	Miếng đệm mũi	Miếng đệm mũi ngăn ngừa loét tỳ đè vùng da tại mũi khi thở máy không xâm lấn - Chất liệu: hypoallergenic Polyme - Kích thước: 3 x 8cm - Đặc tính: không gây kích ứng da, không chứa latex, có thể rửa được - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	60
375	Miếng tẩy chất keo	Miếng tẩy chất keo - Chất liệu: có chứa 100% Hexamethyldisiloxane - Đặc điểm: không để lại chất dư thừa, không gây kích ứng da - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.000
376	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Nắp bình dẫn lưu màng phổi dùng với bình dẫn lưu phổi bằng thủy tinh - Nắp bằng nhựa PVC, đường kính trong 3.6cm, đường kính ngoài 4cm - Cấu tạo: gồm ống thủy tinh trong dài 30cm nối ống dẫn lưu nhựa dẻo dài 100cm, đầu ống có 1 co nối tương thích với catheter màng phổi; 01 ống hút nhựa dẻo dài 30cm - Tiết khuẩn - Tương thích với bình dẫn lưu màng phổi bằng thủy tinh cùng hãng, đảm bảo kín - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	cái	1.000
377	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp - Chất liệu bằng nhựa chứa povidon-iod - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	4.000
378	Nẹp căng tay	Nẹp căng tay dùng để cố định chấn thương gãy xương bong gân căng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng căng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Cấu tạo: được làm từ vật liệu tự dính, mút xốp, vải cotton, thanh nẹp hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nẹp đàn hồi, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) tạo nên tính cố định - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	170
379	Nẹp căng tay gắn đuôi	Nẹp căng tay gắn đuôi trái/phải - Chức năng: dùng trong hỗ trợ sau phẫu thuật khâu nối gắn đuôi - Chất liệu: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm - Các cỡ	Cái	10
380	Nẹp căng tay gắn gấp	Nẹp căng tay gắn gấp dùng trong hỗ trợ sau phẫu thuật khâu nối gắn gấp - Chất liệu: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm - Các cỡ	Cái	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
381	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái - Chức năng: Nẹp dùng trong gãy ngón cái, sau phẫu thuật gãy xương thuyền, viêm gân dạng dài duỗi ngón viêm hẹp bao gân gấp ngón 1 tay hai bên - Chất liệu: Thanh nẹp hợp kim nhôm ôm ngón cái đến cổ tay, bao bọc bởi mút xốp và vải cotton. - Gồm các thanh nẹp được định hình sẵn, ôm sát ngón tay cái và bàn tay phản tiếp xúc có lớp đệm mút và vải. - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	50
382	Nẹp cánh cẳng tay	Nẹp cánh cẳng tay dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay. - Chất liệu: hợp kim nhôm, vải dệt kim, vải không dệt, - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm dài từ bàn tay tới gần nách, có thể uốn được theo tư thế điều trị, các thanh nẹp nhỏ. bộ mút dệt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton để cố định nẹp ôm vào tay bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - 5 kích cỡ : <28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	100
383	Nẹp chống xoay ngón	Nẹp chống xoay ngón cố định gãy cổ xương đùi ở người già không có chỉ định phẫu thuật. Sau phẫu thuật, quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối, cổ chân - Bản nẹp bằng hợp kim nhôm, thanh nhôm được bao bằng đệm mút và vải cotton - Bản nẹp định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, chịu lực tốt xoay ngang, cố định vào chân bởi khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài tính từ mũi đến gót chân 28cm, cao 37cm, rộng 23cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Cái	80
384	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ, sơ cứu chấn thương đốt sống cổ. - Chất liệu: mút xốp bằng Ethylene Vinyl Acetate - Cấu tạo: gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi khóa velcro (băng nhám dính), có những lỗ nhỏ làm thoáng khí sử dụng. - Kích thước: 7, 9, 11cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	300
385	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm dẻo bao ngoài một lớp đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay. - Chiều dài nẹp 22cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	45
386	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3 x 2 x 11cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	25
387	Nẹp cố định khớp gối	Nẹp cố định khớp gối dùng cố định khớp gối chấn thương hoặc phẫu thuật. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, tấm đệm mút, vải tự dính, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài nẹp: 40, 50, 60, 70cm ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	200
388	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi, hạn chế di lệch khớp gối bằng bản lề khóa quay số điều chỉnh. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ở khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút dệt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52cm, đường kính ở khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6.5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	250

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
389	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm sử dụng trong hỗ trợ nâng đỡ khi chấn thương cột sống cổ nhẹ - Chất liệu: đệm mút có độ đàn hồi, bên ngoài bao bọc bằng vải cotton. Có hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định nẹp cổ - Kích thước nẹp: 5, 6, 8, 10cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	90
390	Nẹp cổ tay	Nẹp cổ tay sử dụng trong cố định gãy xương cổ tay, xương bàn ngón tay, bong gân vùng cổ tay - Thanh nẹp bằng hợp kim nhôm, vải chun và khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định cổ tay, cẳng tay, bàn tay - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	90
391	Nẹp đệm ngăn	Nẹp đệm ngăn sử dụng trong các trường hợp chấn thương cổ chân, gãy các xương bàn, ngón chân (sử dụng cho chân ở trạng thái nghỉ) - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm định hình uốn theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, đệm mút, vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính). - Kích thước: 25 x 14 x 19cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	150
392	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón phẫu thuật dạng xếp - Chất liệu: vải PP không dệt 14g/m ² , màu xanh - Chiều dài chưa kéo giãn: 15 - 20cm - Chiều dài tối đa khi kéo giãn: 50 - 55cm - Đặc điểm: bo thun, 2 thun ôm sát vòng đầu, thoáng khí, không dễ rách khi thao tác/ sử dụng - Bao bì có vị trí dễ mở/xé dễ dàng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	600.000
393	Nút dây catheter	Nút dây catheter, sử dụng 2 đầu để kết nối - Đầu nối Luer Lock và Luer Slip - Đầu phù hợp với các loại dây truyền dịch và xylanh - Vật liệu Polyethylene - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	17.000
394	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nồng có bóng, đường kính ngoài từ 4.2 đến 13.7mm	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nồng có bóng - Chất liệu: PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Kích cỡ: số 3.0 → 10.0, đường kính ngoài từ 4.2 → 13.7mm, dài ống từ 35 → 100mm, đường kính bóng từ 9 → 35mm - Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, có đường cân quang chạy dọc thân ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	bộ	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
395	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 4, 6, 8	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Cấu tạo gồm: 01 ca-nuyn mở khí quản, 1 nòng trong và 1 nòng dẫn đường - Chất liệu: nhựa mềm, không DEHP - Kích cỡ: cỡ 4 → 8; đường kính trong 5.0 → 7.8mm; đường kính ngoài 9.0 → 12.5mm; chiều dài 6.5 → 8.5cm - Bóng chèn: cỡ 4 (20mm), cỡ 6 (24mm), cỡ 8 (27mm) - Đặc điểm: không cửa sổ, có bóng chèn, nòng dẫn đường đầu tròn - nòng trong sử dụng nhiều lần, có khóa vận, tương thích với đầu nối tiêu chuẩn 15mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	180
396	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 6 -> 10	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Chất liệu: nhựa PVC trong suốt y tế, mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng, có đường cân quang trên thân ống - Kích cỡ: 6; 7; 7,5; 8; 8,5; 9; 10, đường kính trong từ 6.0 - 10.0mm, chiều dài từ 64 - 88mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mẫu ngắt, đầu nối tiêu chuẩn 15M tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ ISO/ FDA	Cái	20
397	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, các cỡ (6, 7, 7.5, 8, 9, 10)	Ống Ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, - Chất liệu: nhựa PVC y tế, mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng, có đường cân quang trên thân ống - Kích cỡ: 6, 7, 7.5, 8, 9, 10, đường kính trong từ 6.0 đến 10.0mm, chiều dài từ 64 - 88mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mẫu ngắt, đầu nối tiêu chuẩn 15M tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ ISO/ FDA	Cái	20
398	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, cỡ 4, 6, 8	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ dùng trong trường hợp người bệnh có thở tự nhiên - Cấu tạo gồm: 01 ca-nuyn mở khí quản, 01 nòng trong dài, 2 nòng trong ngắn, 01 cây nòng dẫn đường - Chất liệu: nhựa mềm, không DEHP - Kích cỡ: cỡ 4 → 8; đường kính trong 5.0 → 7.8mm; đường kính ngoài 9.0 → 12.5mm; chiều dài 6.5 → 8.5cm - Nòng trong dài sử dụng nhiều lần, có khóa vận, tương thích với đầu nối tiêu chuẩn 15mm - 02 nòng trong ngắn, có nắp đậy, dùng khi người bệnh cần tập thở - 01 nòng dẫn đường, đầu tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	100

W071

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
399	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 12 → 20Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu: 100% silicone - Kích cỡ: từ 12Fr (đường kính trong 2.4mm), 14Fr (đường kính trong 2.9mm), 16Fr (đường kính trong 3.3mm), 18Fr (đường kính trong 3.7mm), 20Fr (đường kính trong 4.1mm), chiều dài khoảng 95cm - Đặc tính: đầu ống hình nón, có 04 lỗ ở cuối ống, có đường cân quang, đầu tip cân quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống, có phễu và nắp (đầu tip đóng) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
400	Ống cho ăn, bằng polyurethane	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone - Kích cỡ: 15Fr (đường kính trong 3.5mm), chiều dài khoảng 100 - 120cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cân quang, có dây dẫn đường dạng xoắn ốc - Có cổng nối thấp ở nối chữ Y, cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	4.000
401	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12 → 18Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho người lớn - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP - Kích cỡ: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - Đường kính trong từ 4 - 6mm, chiều dài 120 - 135cm - Thân ống có đường cân quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên thân ống tại vị trí 45cm, 55cm, 65cm, 75cm (tính từ đầu đến cuối ống) - Thời gian lưu ống: 5 - 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	8.000
402	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 5 → 10Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho trẻ em - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP - Kích cỡ 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr - Đường kính trong từ 1.2 - 3.3mm, dài tối thiểu 50cm - Thân ống có đường cân quang - Có 4 vạch đánh dấu chạy dọc theo chiều dài ống tính từ đầu cuối ống tại vị trí 20cm, 30cm, có 2 mắt phụ - Thời gian lưu ống khoảng 5 - 7 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	3.000
403	Ống dẫn lưu dạng mao mạch	Ống dẫn lưu dạng mao mạch - Chất liệu: Silicon - Kích thước: 290 → 300mm - Đường kính: 7 → 10mm - Rộng: 12 → 16mm - Cấu trúc dạng xương sườn song song, có sọc cân quang - Tiệt khuẩn	Cái	800
404	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa trung tính, cỡ 16 → 36Fr	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi, - Chất liệu: PVC cân quang - Cỡ 16 → 36Fr, dài 38 → 52cm, đường kính trong: 3.5 → 10.6mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu; thân ống vạch cân tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2.200
405	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar, 12 → 32Fr	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar dùng để dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Làm bằng vật liệu PVC tương thích sinh học, có cân quang, có vạch đánh dấu độ sâu trên ống - Kích cỡ: 12 → 32Fr - Đường kính trong 4 → 10.7mm (± 0.2mm) - Chiều dài 23 → 40cm - Có kèm chùy chọc trocar độ xuyên thủng 3cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	145

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
406	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản sử dụng cung cấp đường khí quản thứ cấp, thay thế ống mở khí quản tiêu chuẩn - Chất liệu: silicone - Đường kính ngoài: 9 → 13mm - Độ dày thành khí quản: 17 - 65mm - Chiều dài thân ống: 37mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
407	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống sử dụng ngăn hẹp lỗ mở khí quản trong trường hợp người bệnh cần duy trì lỗ mở khí quản lâu dài - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 18 → 55mm - Đường kính trong: 9.5 → 20.5mm - Đường kính ngoài: 12 → 25mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7
408	Ống hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6 → 10Fr	Ống hút đàm có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không latex - Đường kính ngoài từ 1.9 → 3.3mm, chiều dài 35 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, kiểu Mully - Có co nối, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 → 10Fr - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12.000
409	Ống hút đàm, cỡ 6 → 16Fr	Ống hút đàm, có hoặc không có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không Latex - Đường kính ngoài từ 1.9 đến 5.3mm, chiều dài 35 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, kiểu Mully, lỗ hút nhỏ từ 1 → 1.7mm - Có nối, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 → 16Fr - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	250.000
410	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: Vỏ bằng nhựa polypropylen trong suốt - Chiều dài 23.5 - 50cm; đường kính trong khoảng 2.6mm; đường kính ngoài khoảng 3.1mm - Đặc điểm: có vạch chia, đầu tù, có lỗ mở 2mm, có các cạnh sắc bén cách đầu xa, pit tổng bằng nhựa acetal mềm, di chuyển tạo chân không cho lòng ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	290
411	Ống hút thai	Ống hút thai bằng nhựa Polyethylen (PE) hoặc PVC, màu trắng trong, mềm dẻo, trơn láng không có cạnh bén - Đường kính: 0.4 - 0.6cm - Tiệt khuẩn	Cái	2.500
412	Ống mở khí quản dài	Ống mở khí quản tạo đường khí quản thứ cấp cho người bệnh hẹp đường khí quản lồng ngực - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 105 - 110mm - Đường kính trong: 6.5, 7.5, 8.5mm - Đường kính ngoài: 11, 12, 13mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
413	Ống nối chữ Y	Ống nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu - Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt - Kích cỡ: 1/4x1/4; 1/2x3/8x3/8; 3/8x3/8x3/8; 1/4 x 3/16 x 3/16; 3/8x3/8x1/4... - Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.100

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
414	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0 → 8.5	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. Đầu ống bo tròn, có dây cân quang, bóng chèn hình oval có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Kích cỡ: số 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.5 - Kinh cỡ ống trong và ngoài: 5/6.8; 5.5/7.5; 6/8.2; 6.5/8.9; 7/9.6; 7.5/10.2; 8/10.9; 8.5/11.5 - Đường kính bóng chèn từ 16 đến 28mm - Chiều dài ống từ 240 đến 330mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	8.000
415	Ống nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3 → 8	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0 - Đường kính trong từ 3 - 8 mm, đường kính ngoài từ 4.2 - 10.9mm, chiều dài ống từ 160 - 320mm, đường kính bóng chèn từ 8 - 27mm - Ống có 2 vạch cân quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống, đầu ống tù có mắt Murphy được đánh nhãn. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 20cm H2O - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	16.000
416	Ống nội khí quản cổng miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 4.0 → 7.5	Ống nội khí quản cổng miệng có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 4.0 → 7.5 - Ống có 2 vạch cân quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân. Đầu ống kéo dài bo tròn, thân ống cong hình chữ U. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp < 27cm H2O - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1.800
417	Ống nội khí quản cổng miệng có bóng kèm lỗ hút dịch cỡ 6 → 8	Ống nội khí quản cổng miệng, có bóng chèn hình nón và dây hút đàm ngay dưới thanh môn ngăn nguy cơ hít sặc - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 6 → 8, dài 308 → 375mm, đường kính trong ống 6 - 9mm - Thân trơn, đường cân quang, đầu ống tù. - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực thấp < 27cm H2O. - Lỗ hút sát bóng chèn giúp hút tối đa dịch đọng trên bóng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	230

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
418	Ống nội khí quản cổng miệng không bóng chèn, cỡ 3.0 → 5.0	Ống nội khí quản cổng miệng không bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 3.0 - 5.0 - Ống có 2 vạch cân quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc ống, đầu ống bo tròn, thân ống cong hình chữ U. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
419	Ống nội khí quản cổng mũi, có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 → 7.0	Ống nội khí quản cổng mũi, có bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), cảm ứng nhiệt, không chứa Latex - Kích cỡ: số 3.0 - 7.0 - Ống có độ cong phù hợp với đường cong phế quản và hướng luồng đường mũi, đầu ống bo tròn, thân ống có chia vạch, bóng chèn thể tích lớn, áp lực thấp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	460
420	Ống nội khí quản không bóng chèn, cỡ 2.5 → 6.5	Ống nội khí quản không bóng chèn - Ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5 - Đường kính trong từ 2.5 - 6.5 mm, đường kính ngoài từ 3.6 - 8.8mm, chiều dài ống từ 130 - 290mm - Ống có 2 vạch cân quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống vê tù và có mắt được đánh nhãn bóng - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	450
421	Ống nội khí quản lò xo cổng mũi miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 2.5 → 8.5	Ống nội khí quản lò xo cổng mũi miệng có bóng chèn - Chất liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone tương thích sinh học, không chứa latex. Lò xo gia cố làm bằng thép không gỉ chống xoắn. Hình dạng cong. - Ống có đường cân quang dày, vạch chia rõ ràng - Bóng thể tích lớn áp lực thấp (<25cmH2O) - Co nối tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch tròn đen lớn đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5 → 8.5, đường kính ngoài từ 4.2 → 12.3mm, đường kính bóng từ 8.0 → 27mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	400
422	Ống nối thẳng có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 Male - Đặc tính: có nối thẳng có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	380
423	Ống nối thẳng con sò	Ống nối thẳng con sò - Chất liệu làm từ nhựa trắng, nguyên chất, trung tính, có tính chịu lực, chịu nhiệt độ - Chiều dài 61-63mm, rộng 20-21mm, đường kính trong 5.5 - 6.0mm, đường kính ngoài 10mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Please SIGN	20.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
424	Ống nối thẳng không có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 x 1/4; 1/4 x 3/16; 3/8 x 1/4; 3/8 x 3/8, 3/16 x 3/16; 1/2 x 1/2; 1/2 x 3/8; 1/2 x 1/4 - Đặc tính: co nối thẳng không có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.200
425	Ống sửa chữa đoạn hẹp hạ hầu, thực quản	Ống sửa chữa đoạn hẹp đầu thực quản, hạ hầu và đóng lỗ dò thực quản, hạ hầu - Dài > 190 mm, đường kính đầu lớn từ 33 → 45mm, đường đầu nhỏ từ 8 → 20mm - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
426	Ống thở ô-xy 1 nhánh cỡ 8→ 16Fr	Ống thở ô-xy 1 nhánh - Chất liệu: nhựa PVC mềm, trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Kích cỡ: 8 → 16Fr, dài khoảng 40 - 42cm, đầu xa có 8 mắt nhỏ - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	1.500
427	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Chiều dài khoảng 1.8 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi 4 - 5.0mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xê dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng từ 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	80.000
428	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Chiều dài: 1.8 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 1.6mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xê dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng từ 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.500
429	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa chất phthalate - Chiều dài: 1.8 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 2mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xê dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng từ 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.500
430	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	Ống thở oxy cho người lớn, trẻ em - Có kẹp cố định ống dây canula giảm xê dịch khi cử động. - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực tì đè - Gọng mũi phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Kích cỡ: S/ M/ L - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	cái	585
431	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Ống thở oxy cho người lớn - Lưu lượng dòng chảy tối đa 60L/phút - Đầu nối 15F/22M - Chiều dài: 380mm - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent)	cái	322

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
432	Ống thông cảm máu bằng silicone 16-18Fr, dài tối thiểu 85cm	Ống thông cảm máu - Chất liệu: bằng silicone - Kích thước: cỡ 16 - 18Fr, dài tối thiểu 85cm - Cấu tạo * Catheter 3 đường: 2 nhánh bên có nắp đậy, 1 nhánh giữa có dây dẫn, * 2 bóng: 1 bóng thực quản, 1 bóng dạ dày * Có dấu cân quang đầu và cuối mỗi bóng, có vạch chia khoảng cách rõ ràng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	20
433	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm	Ống thông chữ T nhằm duy trì một đường khí quản tái hẹp và phải mở khí quản trong thời gian trên 6 tháng - Chất liệu: Silicon, có cân quang - Cấu tạo gồm: 01 ống chữ T kiểu vuông góc, 02 bộ vòng giữ và đóng đầu ống gồm 7 cỡ - Ống chữ T gồm 3 nhánh: - Nhánh thanh quản: dài từ 29 → 33mm, đường kính từ 10 → 16mm - Nhánh ra da: dài từ 38 → 65mm, đường kính từ 8 → 11mm - Nhánh xuống phổi: dài từ 72 → 75mm, đường kính từ 10 → 16mm - Bao gồm: vòng giữ ống, nút ống dài 15mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	24
434	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa DEHP, trơn bề mặt, không kích ứng, không gây khó chịu - Kích cỡ: 18 → 28Fr, chiều dài 40 - 45cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	65
435	Ống thông tiểu 3 đường bằng silicon, cỡ 18 - 22 Fr	Ống thông tiểu 3 đường dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 18 - 22 Fr - Bóng dung tích tùy theo kích cỡ ống từ 30 - 70 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	170
436	Ống thông thăm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn	Ống thông thăm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn - Chất liệu: Silicon trong suốt có cân quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 5-7 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: từ 3.5-4.0 mm, chiều dài ống thông: 60 - 62cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	45
437	Ống thông thăm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em	Ống thông dùng được cho chạy thăm phân cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em - Chất liệu: Silicon trong suốt có cân quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3-5 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: từ 2.5- 3.5 mm. Chiều dài ống thông: 42 - 52cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	4
438	Ống thông thăm phân phúc mạc, đầu cong, bằng silicone, cỡ 15Fr	Ống thông thăm phân phúc mạc - Chất liệu bằng silicone - Kích thước: 15Fr, dài 60 - 65cm - Đầu cong, 2 nút chặn để vô dịch ổ bụng, trong lòng ống có chứa dải cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	55

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
439	Ống thông tiểu 1 nhánh	Ống thông tiểu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone, màu vàng - Kích cỡ: 6 → 24Fr, chiều dài khoảng 40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
440	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12 → 26Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh - Chất liệu: 100% silicone, thành bóng mỏng, kích thước bóng khi bơm có hình cầu hoặc hình tròn - Kích cỡ: 12 → 26Fr - Đường kính trong từ 2.6 - 5.2mm, chiều dài ống 40 - 43cm - Đặc điểm: Dung tích bóng chèn 10ml, lòng ống rộng, đầu tip cân quang, trên ống có đường cân quang, van bơm luer lock bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	1.000
441	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 6→10Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh - Chất liệu: làm bằng 100% silicone, có dây dẫn đường, lòng ống rộng dẫn lưu tốt, đầu ống có bóng chèn - Kích thước: 6→ 10Fr, thể tích bóng 1→ 3ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	400
442	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, 12 → 30 Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su thiên nhiên có phủ silicone, thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, bóng cân đối có 2 nhánh, không có chất DEHP - Kích cỡ: 12 → 30Fr - Đường kính trong từ 4.0mm đến 10mm, dài 40cm, thể tích bóng chèn 30ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	40.000
443	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon, 16 → 24Fr	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su tự nhiên, trắng silicone trong lòng ống, không chứa DEHP - Kích cỡ: 16 → 24Fr, chiều dài ≥ 40cm, đường kính ống từ 5.3 - 8.6mm, độ rộng của mắt khoảng 1.2 - 4.2mm - Dung tích bóng 30-50ml, có van bơm Luer-lock, đầu ống có 3 mắt (1 mắt tưới rửa, 2 mắt lỗ thoát dịch) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	350

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
444	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 8 - 26Fr, có cảm biến nhiệt độ	Ống thông tiểu silicone 2 nhánh có cảm biến nhiệt độ - Chất liệu: 100% silicone - Có cảm biến nhiệt độ để theo dõi nhiệt độ bàng quang - Dãy nhiệt độ đo 25 - 45°C - Thân catheter có đường đánh dấu cân quang - Kích cỡ: 8 - 26Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO	Cái	400
445	Ống thông tĩnh mạch rốn	Ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh trong suốt - Bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), có vạch cân quang và vạch chia mỗi cm - Kích cỡ: 3.5 → 5Fr, dài 38-40cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
446	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 26 x 36cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 26 x 36cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix	Cái	25.650
447	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 35 x 43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 35 x 43cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix	cái	32.000
448	Phim X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35 x 43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa - Thành phần chính: Polyethylene terephthalate 90-99%, additives <1%, binding agents <1% - Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày - Kích thước: 35 x 43cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypro	Cái	15.000
449	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu cho 1 đơn vị hồng cầu 450ml - Bộ lọc có tính tương đồng sinh học cao nên không cần môi bằng nước muối sinh lý - Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh khi bắt đầu truyền và đảm bảo dồn hết máu khi kết thúc truyền máu - Tiệt khuẩn	Cái	355
450	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu lọc tới 10 đơn vị tiểu cầu - Thể tích mỗi ≤ 17ml - Tiệt khuẩn	Cái	73
451	Phin lọc cai máy thở	Phin lọc cai máy thở giúp làm ẩm, ẩm khí thở qua mở khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: PVC y tế - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, co nổi 15mm, có lỗ hút dịch, co nổi tương thích với dây oxy - Độ ẩm trao đổi: 26 - 28mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: < 19ml - Kháng trở 30l/phút: ≤ 0.7cm H2O - Trọng lượng: ≤ 8g - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.800

76020

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
452	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, người lớn	Phin lọc khuẩn 1 chức năng, dùng cho người lớn - Vỏ ngoài bằng nhựa cứng - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99.999\%$ - Thể tích nén (khoảng chết): 60 - 66ml - Trọng lượng lọc: 28 - 32g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198 - 200ml - Co nối: 22M/15F hoặc 22F/15M - Có cổng đo ETCO ₂ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10.000
453	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, trẻ em	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn - Loại lọc: tĩnh điện - Khả năng lọc khuẩn: $> 99\%$ - Kháng trở dòng khí tại mức 30L/phút: 1.9cm H ₂ O - Khoảng chết: 25ml - Thể tích tối thiểu: 75 - 100ml - Trọng lượng: 19 - 20g - Co nối 22M/15F hoặc 22F/15M tương thích nội khí và dây máy thở - Có cổng đo ETCO ₂ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	700
454	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, người lớn	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho người lớn - Vỏ ngoài bằng nhựa - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $> 99.999\%$ - Thể tích nén: 57 - 66ml - Trọng lượng lọc: 29 - 41g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198-200ml - Độ ẩm trao đổi: 29.5 - 33.6 mg/lít - Co nối: 22M/15F- 22F/15M - Có cổng đo ETCO ₂ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	43.000
455	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99\%$ - Khoảng chết: 25 - 34ml - Trọng lượng: 19 - 25g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 75 - 90ml - Độ ẩm trao đổi: 30.3 - 31.7mg/ lít - Co nối: 22M/15F- 22F/15M - Có cổng đo ETCO ₂ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	800
456	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp - Chất liệu: Màng lọc: hỗn hợp Acrylic tích tĩnh điện với lớp bảo vệ Polypropylene 2 mặt. Vỏ ngoài: Polyethylene mật độ cao (HDPE) - Lọc vi khuẩn $\geq 99.9\%$ - Lọc virus $\geq 99.9\%$ - Trở kháng dòng khí ≤ 92.0 Pa / ls ở mức 14 l / s - Không gian trong lọc ≤ 70 ml - Đầu lắp vào máy có đường kính trong ≥ 45 mm, đường kính ngoài ≤ 48 mm - Phương pháp lọc: tĩnh điện và cơ học - Đầu ngậm vào miệng của dụng cụ lọc hình oval - Tương thích máy KoKo PFT - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	20.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
457	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em - Chất liệu: vỏ nhựa polystyrene cách điện, màng lọc bằng hydrophobic Polypropylene - Kích thước: 18 x 28mm - Hiệu quả lọc: 99.9% - Khoảng chết: 32ml - Tốc độ dòng: 0.93cmH2O - Khu vực lọc: > 34cm² - Tương thích với máy đo FeNO+ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
458	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	Phin lọc vi sinh dành cho máy điều áp - Chất liệu: Polypropylene tích điện tĩnh điện - Hiệu quả lọc ≥ 99.8% - Trờ kháng: 12mmHg ở 20L/ph - Khoảng chết: ≤ 6ml - Đầu nối tiêu chuẩn, tương thích với hệ thống hút tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7.000
459	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật Vật liệu vỏ: PP Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin trao đổi anion bản chất là StyrendivinyI Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao. - Thể tích hấp phụ: 330mL - Thể tích khoang máu: 160mL - Diện tích hấp phụ: 104.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 50mL/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Phương thức khử trùng: Khử trùng nhiệt ẩm - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + Total Bilirubin: 52.8~64.1% + Total Bile Acid: 62.2~80.5%	Quả	5
460	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 05-30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kì - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là StyrendivinyI Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao - Thể tích hấp phụ: 130 ± 2ml - Thể tích khoang máu: 115ml - Diện tích hấp phụ: 52.000 ± 5m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250 ± 5ml/phút - Áp suất chịu đựng: 100 ± 5kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1 ± 5N - Dải hấp phụ: 05-30kDa - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: + IL-6: 21.8%~31.5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	200
461	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 10 - 60kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin... trong sốc nhiễm trùng nặng, sepsis, viêm tụy cấp,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: StyrendivinyI Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ khoảng: 330ml - Thể tích khoang máu khoảng: 185ml - Diện tích hấp phụ khoảng: 104.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa khoảng: 250ml/phút - Áp suất chịu đựng khoảng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt khoảng: 8.1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Quả	17

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
462	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15- 100kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị các bệnh tự miễn như lupus ban đỏ, bệnh vẩy nến..., - Vật liệu vỏ: PC, vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bán chất là Styrendiviny Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao - Thể tích hấp phụ: $280 \pm 2\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $155 \pm 5\text{ml}$ - Diện tích hấp phụ: $91.000 \pm 5\text{m}^2$ - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: $250 \pm 5\text{ml/phút}$ - Áp suất chịu đựng: $100 \pm 5\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: $8.1 \pm 5\text{N}$ - Dải hấp phụ: 15-100kDa - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: + IL-6: 21.8%~31.5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	40
463	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 20- 200kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố gắn với protein, hội chứng hôn mê gan,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendiviny Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ khoảng: 330ml - Thể tích khoang máu khoảng: 185ml - Diện tích hấp phụ khoảng: 104.000m^2 - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa khoảng: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng khoảng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt khoảng: 8.1N - Dải hấp phụ: 20-200kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Quả	5
464	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.15 m^2	Quả lọc trao đổi huyết tương và bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: $73 \text{ ml} \pm 10\%$ - Diện tích màng: 0.15 m^2 - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): $330\mu\text{m}$ - Độ dày thành sợi lọc: $150\mu\text{m}$ - Thể tích máu trong sợi lọc: $22\text{ml} \pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 50ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 180ml/phút - Tương thích máy Prismaflex	Bộ	22
465	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.35 m^2	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene, - Diện tích bề mặt màng lọc 0.35m^2, - Thể tích máu trong sợi lọc $41 \text{ ml} \pm 10\%$, - Thể tích máu khoảng 125 ml, - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) $330 \mu\text{m}$, độ dày thành sợi lọc $150 \mu\text{m}$ - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: $127 \text{ ml} \pm 10\%$, - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút, - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút - Tương thích máy Prismaflex - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	334
466	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.7 m^2	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu Polyethersulfone - Diện tích màng lọc huyết tương 0.7 m^2 - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn; - Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để mỗi dịch, cổng chọc kim và cổng tiêm truyền; - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi dịch thải 7 lít - Filter bảo vệ các cổng áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
467	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp - Chất liệu màng lọc bằng PolyArylEtherSulfone - Vỏ và đầu quả lọc bằng Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn bằng PVC; Cartridge bằng PETG - Thể tích máu trong bộ quả lọc ($\pm 10\%$) là 60ml - Diện tích màng: 0.2m² - Tốc độ dòng máu: 20 - 100ml/phút - Thể tích mỗi máu (Chỉ ở quả lọc): 17ml - TMP tối đa: 500mmHg/67kPa - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex	bộ	20
468	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp - Chất liệu: • Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG - Thông số hoạt động của quả lọc: • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 - Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0.6 m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex	bộ	45
469	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.5 m ² , hệ số siêu lọc 87 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 $\pm$ 2 ml * Hệ số siêu lọc 87 $\pm$ 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 272 $\pm$ 2ml/phút, Creatinine = 252 $\pm$ 2ml/phút, Phosphat = 251 $\pm$ 2ml/phút, Vit B12 = 171 $\pm$ 2ml/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Quả	500
470	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 85 $\pm$ 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 $\pm$ 2 ml * Hệ số siêu lọc 85 $\pm$ 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 270 $\pm$ 2ml/phút, Creatinine = 248 $\pm$ 2 ml/phút, Phosphat = 230 $\pm$ 2ml/phút, Vit B12 = 166 $\pm$ 2ml/phút; Hệ số sàng: Inulin < 1.0; β2-Microglobulin 0,7 $\pm$ 1; Albumin < 0,001; KoA Urea 1145 $\pm$ 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/EC	Quả	4.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
471	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 37ml/giờ/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. - Thông số kỹ thuật * Diện tích bề mặt: 1.7 m² * Thể tích mỗi: 100 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc: 37 ± 2 (mL/giờ/mmHg). Độ dày thành sợi: 15 ± 2 μm. * Độ thanh thải (Qb: 400ml/min): Ure = 327 ± 2 ml/phút, Creatinine = 295 ± 2 ml/phút, Phosphate = 261 ± 2 ml/phút, Vitamin B12 = 187 ± 2 ml/phút - Tiệt khuẩn	Cái	500
472	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), vỏ quả lọc Polypropylene. - Diện tích: 1.7 m². - Thể tích mỗi: 102-105ml. - Hệ số siêu lọc: 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 40 μm. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/phút): - Ure: 282 ml/phút - Creatinine : 270 ml/phút - Phosphate: 255 ml/phút - Vitamin B12: 195 ml/phút - Myoglobin: 116 ml/phút - Hệ số sàng lọc: - β2-Microglobulin = 1 - Inulin = 1 - Albumin = 0.0024 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
473	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 64 ± 2 ml/giờ/ mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu màng lọc Helixone, cấu tạo sợi màng được cải tiến cho phép lọc tốt hơn các phân tử trung bình như β2-microglobulin (β2-m) giảm nguy cơ tử vong, đồng thời hạn chế mất các albumin quan trọng, tương thích sinh học - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng 1.8 m² * Thể tích mỗi 95 ± 5ml * Hệ số siêu lọc: 64 ± 2 ml/giờ/ mmHg; * Độ thanh thải Qb=400 mL/ph (Cytochrome c: 117 ± 2, Phosphate: 285 ± 2, Creatinine: 303 ± 2, Urea: 336 ± 2); - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Tiệt khuẩn	Quả	7.500
474	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 99 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.8 m² * Thể tích mỗi: 103 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 99 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 282 ± 2ml/phút, Creatinine = 264 ± 2ml/phút, Phosphat = 264 ± 2ml/phút, Vit B12 = 184 ± 5ml/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/EC	Quả	1.000
475	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1,5 m ² , hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfon - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 200ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 189 ± 2 ml/phút, Creatinine = 173 ± 2 ml/phút, Phosphat = 146 ± 2 ml/phút, Vit B12 = 83 ± 2 ml/phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/EC - Tiệt khuẩn	Quả	1.000

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
476	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux: - Chất liệu màng lọc Polysulfone, tương hợp với máu; Chất liệu vỏ Polycarbonate - Diện tích màng 1.6 m² - Thể tích mỗi 96 ± 2 ml - Hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg - Qb 300 mL/phút: thanh thải Urea 247± 2, Creatinine 220± 2, Phosphate 186± 2 - Tiệt khuẩn	Quả	500
477	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 ± 2 ml * Hệ số siêu lọc 16 ± 2 ml/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300ml/phút thì độ thanh thải: Ure = 270± 2ml/phút, Creatinine =242± 2 ml/phút, Phosphat =187± 2ml/phút, Vit B12 = 112± 2ml/phút; KoA Urea = 1123± 2 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: EC/ISO	Quả	2.000
478	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 14 ± 2 ml/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu màng lọc Helixone, cấu tạo sợi màng được cải tiến cho phép lọc tốt hơn các phân tử trung bình như β2-microglobulin (β2-m) giảm nguy cơ tử vong, đồng thời hạn chế mất các albumin quan trọng, tương thích sinh học - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng 1.8 m² * Tích mỗi: 95 ± 2ml * Hệ số siêu lọc: 14 ± 2 ml/h/mmHg * Độ thanh thải Qb=200ml/ph, Phosphate:170±2, Qb=300± 2 mL/ph, Phosphate: 210± 2 - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Tiệt khuẩn	Quả	500
479	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích: 1.5 m² * Hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg) * Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút và dịch Qd=500± 2mL/phút: Ure 264± 2, Creatinine: 244± 2, Phosphate: 211± 2, Vitamin B12: 134± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	Quả	2.000
480	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích: 1.7 m² * Hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg); * Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút và dịch Qd=500± 2mL/phút: Ure 270± 2, Creatinine: 251± 2, Phosphate: 221± 2, Vitamin B12: 143± 2. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	Quả	2.000
481	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết, ngăn chặn nội độc tố (endotoxin) - Chất liệu màng bằng Polysulfone, 2 đầu nắp Polyurethane, vỏ màng polypropylene - Diện tích màng 2.2 m² - Thông số lọc: 05 ± 2mL/phút - Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch (nội độc tố ≤ 0.03 EU/mL, các vi sinh vật ô nhiễm ≤ 0.1 CFU/mL). Trực tiếp tạo dịch bù cho phương pháp HF và HDF - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE	Quả	150

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
482	Quả lọc, màng lọc máu loại 0.9m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: - Chất liệu: Sợi lọc Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0.9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy Prismaflex (máy của Bệnh viện)	Bộ	956
483	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn loại bỏ Cytokine, nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Chất liệu: Màng lọc cấu tạo 3 lớp: Sợi rỗng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer); Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500$\pm$1500 IU/m²). Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193ml - Diện tích màng: 1.5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy Prismaflex (máy của Bệnh viện)	Bộ	189
484	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm kết hợp hấp phụ	Quả lọc máu dùng trong lọc máu liên tục kết hợp với lọc máu hấp phụ - Bộ dây máu kèm đầu nối mở và màng lọc 1.6m² kết hợp với lọc máu hấp phụ; - Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin; - Dây dẫn tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa canxi kèm túi chứa 2 lít chất thải dịch môi; - Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm; - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; - Dây dẫn dịch bù; - Túi dịch thải 7000 ml; - 5 bộ đo áp lực kèm màng lọc 0.2 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
485	Quần áo định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	Quần áo định hình sau phẫu thuật cắt da/hút mỡ đùi các cỡ, tạo ra lực nén giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành sẹo như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : polyamide, elastane	Cái	5
486	Que đốt chồi rốn	Que đốt chồi rốn dùng cho trẻ sơ sinh - Thành phần: Nitrat Bạc 75% - Chiều dài 15 cm - Tiêu chuẩn ISO	Que	200
487	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non nhằm đánh giá nguy cơ sinh non của phụ nữ mang thai - Que thử có chứa alpha microglobulin-1 nhau thai trong túi với chất làm khô - Tấm bông 2mm để lấy mẫu âm đạo - Lọ nhựa chứa dung môi 0.9% NaCl, 0.05% NaN₃, 0.01% Trixon X100 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
488	Que thử đường huyết nhanh, men thử GOD-POD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử GOD-POD, không bị ảnh hưởng bởi đường Malto và oxy hòa tan - Phạm vi đo: 20 – 600 mg/dL (1.1 – 33.3 mmol/L) - Giới hạn Hematocrite: từ 20 → 60% - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm thực hiện hàng ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	que	80.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
489	Que thử đường huyết nhanh, men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD không bị ảnh hưởng bởi đường Maltose - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (máu tĩnh mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo <4 giây - Mẫu máu đo 0.6µL - Cho kết quả đúng > 99% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100\text{mg/dL}$ hoặc 5.55 mmol/l (theo ISO 15197_2013) - Que thử hút máu bằng mao dẫn - Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Chất liệu que thử: hợp kim vàng và palladium - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm tối thiểu 02 nồng độ theo Quy định của Bệnh viện - Có chức năng kết nối vào hệ thống dữ liệu của máy xét nghiệm của Bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn: CE/ISO	que	320.000
490	Stent khí quản bằng silicone	Stent khí quản bằng silicon - Đường kính ngoài: 9 → 20mm; chiều dài: 20 → 110mm; độ dày thành stent: 1mm - Có hệ thống gai, đầu stent có cấu tạo vát, bề mặt nhẵn, mịn không dính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
491	Stent thanh quản bằng silicone	Stent thanh quản dùng trong điều trị sẹp hẹp thanh môn - Làm bằng chất liệu: Silicone, có cán quang - Đường kính đáy trước sau: 10, 12, 15mm - Đường kính đáy ngang: 9, 10, 11, 16mm - Chiều dài stent: 33, 37, 40, 47mm - Đi kèm 02 nút khâu - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
492	Tấm bông, đường kính 15 ± 01mm	Tấm bông dùng rửa vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên, màu trắng đồng nhất, không dùng chất tạo màu - Đường kính đầu bông 15 ± 01mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: $\geq 20\text{g}$ nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài 15 ± 2 cm - Gói tối thiểu 05 que - Tiệt khuẩn từng gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	cái	4.000.000
493	Tấm bông, đường kính 5mm	Tấm bông dùng lấy mẫu bệnh phẩm hoặc dùng để làm sạch và bôi thuốc lên vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên - Đường kính đầu bông 5mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: $\geq 20\text{g}$ nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài 15 ± 2 cm - Gói 20-25 cái - Tiệt khuẩn từng gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	cái	550.000

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
494	Tấm dán hạ thân nhiệt cho trẻ nhỏ	Tấm dán hạ thân nhiệt dùng trong điều trị hồi sức cho trẻ nhỏ - Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước 0.11 - 0.47 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong 0.17- 0.68 kg - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ - Tốc độ dòng chảy: lên tới 5 lít/phút - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	1
495	Tấm lót 37cm x 36cm	Tấm lót - Chất liệu: mặt trên vải Rayon, mặt dưới Nylon, không chứa latex - Kích thước: 37cm x 36m ($\pm 05\%$) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30.000
496	Tấm lót giường bằng spunpond, 60 x 180cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 60 - 65cm, dài 180 - 190cm, $25 \pm 0.5\text{gsm}$ Spunbond - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	200.000
497	Tấm lót giường bằng spunpond, 80 x 220cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 80 - 85cm, dài 220 - 230cm, $25 \pm 0.5\text{gsm}$ Spunbond - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	30.000
498	Tấm lót, 60 x 60cm ($\pm 05\%$)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh/màu trắng - Kích thước: 60 x 60cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Khả năng thấm hút 70 -80ml, mặt trên thấm hút, mặt dưới chống thấm tuyệt đối, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	78.000
499	Tấm lót, 60 x 90cm ($\pm 05\%$)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh/màu trắng - Kích thước: 60 x 90cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Khả năng thấm hút 120 -125ml, mặt trên thấm hút, mặt dưới chống thấm tuyệt đối, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	183.000
500	Thông khí bằng nhựa, các cỡ	Thông khí bằng nhựa, cổng miệng - Chất liệu: nhựa PP, không chứa PVC, không chứa Latex - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng tiêu chuẩn ISO 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc liền 1 khối, trơn láng, phần cuối ống mềm - Đóng gói tiết khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	16.000
501	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Chất liệu bằng nhựa chống dính - Chiều dài: khoảng 35 - 40cm - Chia vạch từ 35 $\rightarrow$ -15 cmH ₂ O - Vị trí 0 cố định, chỉ báo vị trí zero có thể di chuyển sang hai bên - Có 2 kẹp cố định 2 đầu - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	10
502	Thước đo chiều dài, đường kính thành khí quản	Thước đo đường kính, chiều dài của thành khí quản - Làm bằng vật liệu y tế - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
503	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250/1000ml	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống - Dung tích: 250ml/1000ml - Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông - Cảm biến báo khi dịch đầy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	310

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
504	Túi chứa dịch xả tối thiểu 15 lít	Túi đựng dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) - Thể tích tối thiểu 15 lít - Tương thích với máy Homchoice - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	500
505	Túi chứa dịch xả tối thiểu 5 lít	Túi chứa dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu: bằng nhựa mềm PVC, không chứa DEHP và Latex - Thể tích tối thiểu 5 lít - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.000
506	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000ml	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: ống đo và khoang chứa bằng Styrene acrylonitrile, túi chứa và dây dẫn bằng Polyvinyl chloride, - Kích thước: ống đo 40ml, khoang chứa 500ml, túi chứa khoảng 2.000ml - Bộ đo và đựng nước tiểu thải ra theo từng ml cấu tạo bằng nhựa tổng hợp (có 2 van 1 chiều chống trào ngược, màng lọc khuẩn 5 µm, van xả gạt ngang chữ T, dây nối khoang với túi chứa có điểm lấy mẫu không cần kim) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5.000
507	Túi chứa nước tiểu, khoảng 2000ml	Túi chứa nước tiểu có quai treo - Chất liệu túi chứa bằng nhựa PE hoặc PVC trong, không chứa DEHP - Dung tích khoảng 2000ml - Kích thước túi: dài 27 - 30cm, rộng khoảng 20cm - Có vạch chia thể tích in trên thân túi, có quai treo, đáy túi vuông, các mép túi được hàn kín 100% không rò rỉ - Van xả ở giữa đáy túi, một chiều chống trào ngược, dạng thẳng khóa vận hoặc dạng chữ T - Quai treo dạng móc hoặc dây treo bằng nhựa, không gập ống khi treo. - Dây dẫn dài tối thiểu 90cm, đường kính trong từ 5 - 10mm, đầu nối tương thích với các loại ống thông, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	40.000
508	Túi chứa và dẫn lưu dịch	Túi chứa và dẫn lưu dịch - Chất liệu: túi bằng Plastic mềm mại, trong suốt - Đế dán túi bằng Hydrocolloid chống loét, vòng đế từ 12 → 55mm - Có van chống trào ngược - Van xả có thể cấu nối hệ thống túi chứa lớn hơn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	1.300
509	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylclorua (PVC) - Thể tích 800ml, có đánh dấu các vạch thể tích - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	3.200
510	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 255cc đến 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình giọt nước, bề mặt nhám - Thể tích: 255, 260, 295, 300, 330, 380cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
511	Túi đặt ngực hình giọt nước, bề mặt nhám giọt nước bề mặt nhám, thể tích từ 270cc đến 350cc	Túi đặt ngực hình giọt nước, bề mặt nhám - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 270, 305, 350cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	16
512	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, thể tích từ 150cc đến 375cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 150, 175, 200, 225, 250, 275, 300, 325, 350, 375cc. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
513	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, thể tích từ 130 đến 415cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 130, 160, 190, 215, 240, 270, 295, 325, 350, 370, 405, 150, 180, 200, 235, 260, 285, 335, 355, 380, 415cc. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
514	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn, thể tích từ 205 đến 390cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 205, 225, 245, 265, 285, 305, 335, 365, 395, 200, 240, 220, 260, 280, 300, 330, 360, 390cc - Độ nhô: 34 - 57mm - Mặt đáy: 93 - 128mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
515	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt vi nhám, thể tích từ 205cc đến 390cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt vi nhám, - Chất liệu bằng silicon, dạng gel - Thể tích 205, 225, 245, 285, 305, 335, 365, 395, 200, 240, 220, 260, 280, 300, 330, 360, 390cc - Độ nhô: 34 - 57mm - Mặt đáy: 93 - 128mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	50
516	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 10.25cm đến 12.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có chip bên trong túi - Kích thước: Đường kính: 10.25 đến 12.5cm Thể tích: 230 đến 375cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
517	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 9cm đến 13.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Có chip bên trong túi - Kích thước: Đường kính: 9 đến 13.5cm Thể tích: 145 đến 475cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	70
518	Túi đặt ngực hình tròn, thể tích 245cc đến 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Kích thước: Đường kính: 10.25 đến 12.5cm Thể tích: 245 đến 380cc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	30
519	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000ml/1500ml - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100ml - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài ≥ 150cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	570
520	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000ml	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng có nắp đậy - Chất liệu: bằng PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000ml - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100ml - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài > 60cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	8.000
521	Túi đựng mẫu bệnh phẩm, cỡ lớn	Túi đựng mẫu bệnh phẩm bằng Polyetylen màu trắng, có đáy nhọn và miệng túi có dây cột - Kích cỡ: 17 x 27cm - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	Cái	500

Stt	Tên danh mục (mời chào giá)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
522	Túi đựng mẫu bệnh phẩm, cỡ nhỏ	Túi đựng mẫu bệnh phẩm bằng Polyethylen màu trắng, có đáy nhọn và miệng túi có dây cột - Kích cỡ: 9 x 17cm, 12 x 17cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	Cái	4.500
523	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m ² , độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m ² , độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 100mm x 200m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bức lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m ² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	192
524	Túi ép dẹp, cỡ 150mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m ² , độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m ² , độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 150mm x 200m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bức lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m ² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	144
525	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m ² , độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m ² , độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 200mm x 200m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bức lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m ² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	240

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
526	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 250mm x 200m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bức lực ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lực ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	70
527	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 300mm x 200m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bức lực ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lực ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	30
528	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m² (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 MI/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m² (± 05%) - Kích thước: 100mm x 70m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	196
529	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m² (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 MI/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m² (± 05%) - Kích thước: 150mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	333

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
530	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m2 (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 ML/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m2 (± 05%) - Kích thước: 200mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	425
531	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m2 (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 ML/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m2 (± 05%) - Kích thước: 250mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	247
532	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m2 (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 ML/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m2 (± 05%) - Kích thước: 350mm x 70m, (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	64
533	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek * Lớp nylon được làm từ Polyester và polyethylene/ Polypropylene, độ dày tối thiểu 55µm (± 05%). Trọng lượng 74 g/m2 (± 05%), độ dày tối thiểu 175µm (± 05%), độ tách lớp: 2 N (± 05%), tính thấm khí 600 ML/min (± 05%), độ đâm thủng 7500 J/m2 (± 05%) - Kích thước: 75mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	78

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
534	Túi ép phồng, cỡ 100mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 100mm x 50mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bực lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	108
535	Túi ép phồng, cỡ 150mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 150mm x 50mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 (± 5%) Pa.s; Độ bền mối hàn: 350 (± 5%) kPa; Độ chịu bực lúc ướt: 150 (± 5%) kPa; Khả năng chống thấm: 35 (± 5%) S; khả năng hút nước: 15 (± 5%) g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 (± 5%) kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 (± 5%) kN/m - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	100
536	Túi ép phồng, cỡ 200mm x 50/55mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 200mm x 50mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bực lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	84
537	Túi ép phồng, cỡ 250mm x 60/65mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 250mm x 65mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 (± 5%) Pa.s; Độ bền mối hàn: 350 (± 5%) kPa; Độ chịu bực lúc ướt: 150 (± 5%) kPa; Khả năng chống thấm: 35 (± 5%) S; khả năng hút nước: 15 (± 5%) g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 (± 5%) kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 (± 5%) kN/m - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	174

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
538	Túi ép phồng, cỡ 300mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 300mm x 80mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bực lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiết khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiết khuẩn - Sau tiết khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiết khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	20
539	Túi ép phồng, cỡ 350mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene: trọng lượng 45-50g/m², độ dày 50-55µm * Giấy y tế: trọng lượng 60g/m², độ dày 83µm; (± 5%) - Kích thước: 400mm x 80mm x 100m (± 5%) - Hiệu suất không khí: 11.4 Pa.s (± 5%); Độ bền mối hàn: 350 kPa (± 5%); Độ chịu bực lúc ướt: 150 kPa (± 5%); Khả năng chống thấm: 35 S (± 5%); khả năng hút nước: 15 g/m² (± 5%); Độ bền kéo lúc ướt (Hướng thẳng): 2.1 kN/m (± 5%); Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1.1 kN/m (± 5%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiết khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiết khuẩn - Sau tiết khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiết khuẩn: Hơi nước, EO - Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN ISO 11607:1-2 và ISO 11140-1	Cuộn	15
540	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuộn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuộn - Để dán túi bằng hydrocolloid, đường kính vòng cắt tối thiểu 15mm, tối đa 60mm - Chiều dài túi khoảng 28 → 35cm - Miệng xả túi rộng khoảng 6 → 8cm - Dung tích chứa tối thiểu 550ml - Có khóa cuộn, bộ lọc khí chống nước, không kích ứng da - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	1.300
541	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí - Để dán túi bằng hydrocolloid, độ pH từ 4.0 - 5.5, vòng cắt tối đa 64mm - Chiều dài túi 30 → 35cm, phía dưới có khóa dạng cuộn - Có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí lên 300mm² - Túi màu trắng trong, bộ lọc giúp khí thoát ra ngoài, mùi hôi được giữ lại bên trong, túi không bị phồng, bộ lọc không thấm nước, không tồn dư keo trên da người bệnh khi tháo túi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	2.500
542	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, xả được, sử dụng với kẹp hậu môn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, sử dụng với kẹp hậu môn thường dùng cho người bệnh sau phẫu thuật - Túi chứa một mặt có lớp thoáng mồ hôi, một mặt lưới thoáng khí, chiều dài túi 30 → 35cm - Để gồm 2 vòng dán, vòng trong có đường kính 90 → 95mm, vòng ngoài có đường kính 130 → 135mm - Vòng trong thấm hút mồ hôi, bảo vệ da, vòng ngoài mỏng và linh hoạt tăng cường khả năng bám dính, vòng cắt tối đa khoảng 65mm - Vật tư đi kèm: kẹp hậu môn (số lượng kẹp ≥ số lượng túi) - Thời gian sử dụng tối thiểu 5 ngày - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	440

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
543	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuốn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Chất liệu: Vinyl - Đường kính vòng gắn 70mm, chiều dài túi 30 → 35cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau, lớp chống ồn - Có khóa cuốn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng 300mm², giúp thoát khí nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với dễ dán và không gây đau - Dùng với dễ dán túi cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	700
544	Túi làm ấm máu trong lọc máu	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer hình nón - Thể tích mỗi của túi: 27 mL ± 10%. Có thể sử dụng tối đa 72 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	cái	24
545	Van nối	Van nối sử dụng như là một van hỗ trợ nối cho người bệnh mở khí quản - Chất liệu: silicone hoặc MGP - Van có tính năng tự loại bỏ khi người bệnh ho mạnh hoặc có áp lực đường thở lớn - Kích thước van: 4, 6, 8, 10 - Tiêu chuẩn: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1
546	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
547	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
548	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	30
549	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, phủ bạc (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp, phủ bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	10

Handwritten signature/initials

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
550	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phần tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	10
551	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phần tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	5
552	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, (20-25) x (15-20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: (20-25) x (15-20) x 3cm - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 3 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	20
553	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 10 x 8 x 3cm(± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 10 x 8 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 1 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
554	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 20 x 13 x 3cm (± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 20 x 13 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 2 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	90
555	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (10 - 15) x (1 - 2) cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	140

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
556	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x 3 cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (10 - 15) x (10 - 15) x 3 cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	190
557	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (20- 25) x (15-20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (20-25) x (15-20) x 3cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 05 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
558	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 10 x (7-8) x 3.2cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane esther, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước xốp 10 x (7-8) x 3.2cm - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
559	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 18 x (12 -13) x 3.2cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane esther, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước xốp 18 x (12-13) x 3.2cm - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	20
560	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether phủ bạc, cỡ 26 x (15-16) x 3.2cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane esther, có phủ bạc, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước xốp 26 x (15-16) x 3.2cm - Dây dẫn và đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Xốp phủ hạt nano bạc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10

Stt	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
561	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 10 x (7-8) x 3.2cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μ ms, kích thước miếng xốp 10 x (7-8) x 3.2cm - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
562	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 11 x 8 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước miếng xốp 11 x 8 x (1.5-2)cm - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút) - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - 1 thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	30
563	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 17 x 15 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước miếng xốp 17 x 15 x (1.5-2)cm - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút), đầu hút có các cảm biến phản hồi áp suất và thực hiện điều chỉnh áp suất đầu ra của bơm - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - 1 thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	40
564	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 18 x (12-13) x 3.2cm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μ ms, kích thước miếng xốp 18 x (12-13) x 3.2cm - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	100
565	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x (1.5-2)cm, có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600 μ m, kích thước miếng xốp 25 x 15 x (1.5-2)cm - 2 dây dẫn và đầu nối (dây dẫn nước và dây hút), đầu hút có các cảm biến phản hồi áp suất và thực hiện điều chỉnh áp suất đầu ra của bơm - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - 1 thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	10

Stt	Tên danh mục mỗi chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
566	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 26 x 15 x 3.2cm (± 05%), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μ ms, kích thước miếng xốp 26 x 15 x 3.2cm (±05%) - Dây dẫn và đầu nối có 4 cảm biến cân bằng áp lực - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Bảng dẫn cố định trong suốt - Thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	50
567	Vớ dùi áp lực, các cỡ	Vớ dùi áp lực dùng trong phòng ngừa và điều trị giãn tĩnh mạch chi dưới - Chất liệu: 70 - 90% Nylon Polyamide, 10 - 30% Lycra Elastane - Có 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: 18mmHg - 14 mmHg - 8 mmHg - 10mmHg - 8 mmHg - Đặc tính: hồ ngón ở phía đầu trên ngón chân, tăng vận tốc lưu thông máu lên đến 135 -140%, - Có đai vớ hai mặt và băng đệm chống xoay, không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	2.700
568	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ lớn	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 95 → 100mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm, giúp da mau lành - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	150
569	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ nhỏ	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 45 → 50mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	110
570	Vòng thắt trĩ	Vòng thắt trĩ - Chất liệu bằng cao su - Đường kính ngoài 4.5mm, đường kính trong 1.7mm, dày 2mm - Đặc điểm: bền, chắc, siết chặt - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
571	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai đặt vào tử cung để tránh thai - Chất liệu: nhựa dẻo, hình chữ T - Đặc điểm: có ống đồng 65 - 67mg (ở 2 ngành ngang và ngành dọc), có dây có cuối ngành dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thước đo và ống đặt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	70



Handwritten signature or mark.